UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 417 /TB-UBND	*Thủy Nguyên, ngày 28 tháng 6 năm 2024*

THÔNG BÁO
Về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên (đợt 2)

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: số 01/2021/TT-BGDĐT, số 02/2021/TT-BGDĐT, số 03/2021/TT-BGDĐT, số 04/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 4306/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 14/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm CDNN giáo viên mầm non, phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Công văn số 1501/VP-VX ngày 11/3/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Công văn số 897/SGDĐT-TCCB ngày 29/3/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông theo Thông tư số 01, 02, 03, 04, 08 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 4323/VP-VX ngày 26/6/2024 của Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng về nguyên tắc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giáo viên gặp khó khăn, vướng mắc theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 31/TTr-GDĐT ngày 28/6/2024 về việc bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giáo viên (đợt 2) và đề xuất Phương án bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên của các Trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non thuộc huyện.

Uỷ ban nhân dân huyện thông báo để Hiệu trưởng các Trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương giáo viên theo thẩm quyền được phân cấp đối với 1.197 người (gồm:

bậc mầm non: 458 người từ hạng II sang hạng III, 238 người từ hạng III sang hạng III; bậc tiểu học: 310 người từ hạng II sang hạng III, 76 người từ hạng III sang hạng III; bậc THCS: 115 người từ hạng II sang hạng III).

(Có danh sách kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện thông báo để Hiệu trưởng các Trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non theo danh sách nêu trên có cơ sở thực hiện; đồng thời gửi quyết định đã ban hành về Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ huyện để kiểm tra, theo dõi./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Trường: THCS, Tiểu học, Mầm non;
- Phòng Giáo dục và ĐT;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Hoàng

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN

DANH SÁCH

Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên

(Kèm theo Thông báo số: 417/TB-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên)

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
1	MN An Lư	1	Vũ Thị Sen	19/02/1982	GV	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
2	MN An Lư	2	Đồng Thị Phấn	16/12/1978	GV	ĐH SP MN TC SP MN	16/03/2009 07/7/2000	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
3	MN An Lư	3	Phạm Thị Huyền	14/03/1993	GV	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 10/10/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
4	MN An Lư	4	Hoàng Thị Thu Xuân	25/10/1991	GV	ĐH SP MN TC SP MN	02/04/2014 01/09/2011	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/3/2022	
5	MN An Lư	5	Nguyễn Thị Trang	12/08/1996	GV	ĐH SP MN	23/7/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/08/2023	
6	MN An Lư	6	Nguyễn Thị Hương	19/03/1989	GV	ĐH SP MN TC SP MN	04/12/2013 01/08/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0,30	01/11/2023	01/02/2022	
7	MN An Lư	7	Nguyễn Thị Mai Hương	16/11/1996	GV	ĐH SP MN	23/07/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/08/2023	
8	MN An Lư	8	Trịnh Thị Giang	02/01/1992	GV	ĐH SP MN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
9	MN An Lư	9	Nguyễn Thị Hạnh	09/10/1989	GV	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2023	
10	MN An Lư	10	Vũ Thị Hiền	01/04/1987	GV	ĐH SP MN CĐ SP MN	18/01/2011 25/06/2008	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/07/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/01/2023	
11	MN An Lư	11	Phạm Thị Bích Ngọc	20/08/1991	GV	ĐH SP MN	05/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/04/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0,30	01/11/2023	01/10/2023	
12	MN An Lư	12	Trần Thị Huyền	09/09/1993	GV	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2022	
13	MN An Lư	13	Đào Thị Phượng	23/06/1990	GV	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
14	MN An Lư	14	Cù Thị Thảo	28/03/1993	GV	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2023	
15	MN An Sơn	1	Thân Thị Hảo	10/12/1983	GV	ĐHSPMN TCSPMN	28/02/2012 '30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
16	MN An Sơn	2	Vũ Thị Thúy Hằng	04/07/1976	GV	ĐHSPMN TCSPMN	'8/8/2012 '26/08/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/02/2023	
17	MN An Sơn	3	Nguyễn Thị Miền	20/10/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 8/8/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2023	
18	MN An Sơn	4	Nguyễn Thị Băng	22/10/1978	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 '15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/08/2023	
19	MN An Sơn	5	Đỗ Thị Hằng	04/08/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 '02/4/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
20	MN An Sơn	6	Vũ Thị Phương	15/03/1983	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
21	MN An Sơn	7	Nguyễn Thị Liễu	29/07/1986	GV	TCSPMN ĐHSPMN	01/09/2011 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/03/2022	
22	MN An Sơn	8	Phạm Thị Phượng	17/11/1992	GV	TCSPMN ĐHSPMN	10/09/2013 '9/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
23	MN An Sơn	9	Hoàng Thị Mai	30/04/1992	GV	CĐSPMN ĐHSPMN	28/02/2014 23/8/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72		01/11/2023	01/12/2021	
24	MN An Sơn	10	Nguyễn Thị Châm	08/02/1992	GV	CĐSPMN ĐHSPMN	28/02/2014 23/8/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
25	MN An Sơn	11	Nguyễn Thùy Dương	27/07/1989	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 '9/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
26	MN An Sơn	12	Trần Thị Thắm	18/07/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 '9/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
27	MN An Sơn	13	Phạm Thị Hòe	23/07/1985	GV	TCSPMN ĐHSPMN	01/08/2011 '25/7/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	
28	MN Cao Nhân	1	Nguyễn Thị Thu	18/07/1983	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/200708/ 08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/12/2021	
29	MN Cao Nhân	2	Nguyễn Thị Lương	16/02/1980	GV	TC SPMN ĐH SPMN	16/06/200108/ 08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/07/2023	
30	MN Cao Nhân	3	Phạm Thị Lệ Thuỷ	08/11/1977	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/200708/ 08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	
31	MN Cao Nhân	4	Phạm Thị Hằng	04/11/1986	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/201015/ 07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
32	MN Cao Nhân	5	Mạc Thị Thu Hương	09/11/1985	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/200701/ 06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
33	MN Cao Nhân	6	Nguyễn Thị Nhung	06/08/1987	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/201004/ 12/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
34	MN Cao Nhân	7	Nguyễn Thị Hương	19/01/1979	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/201015/ 07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
35	MN Cao Nhân	8	Nguyễn Thị Tuyến	29/07/1993	GV	TC SPMN ĐH SPMN	25/03/201425/ 07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
36	MN Cao Nhân	9	Đỗ Kim Hiên	15/04/1993	GV	TC SPMN ĐH SPMN	25/04/201409/ 03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
37	MN Cao Nhân	10	Nguyễn Thị Huyền	05/10/1993	GV	TC SPMN ĐH SPMN	15/06/2013 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
38	MN Chính Mỹ	1	Vũ Thị Triển	23/02/1976	GV	ĐHSPMN TCSPMN	28/02/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/06/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2021	
39	MN Chính Mỹ	2	Đỗ Thị Hương	06/04/1985	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
40	MN Chính Mỹ	3	Lê Thị Kiên	25/10/1980	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
41	MN Chính Mỹ	4	Đỗ Thúy Hương	08/06/1987	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
42	MN Chính Mỹ	5	Trần Thị Oanh	28/09/1988	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
43	MN Chính Mỹ	6	Nguyễn Thị Thu Hồng	02/09/1983	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
44	MN Chính Mỹ	7	Trần Thị Thu Hương	03/04/1977	GV	ĐHSPMN TCSPMN	30/05/2014 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
45	MN Chính Mỹ	8	Nguyễn Thị Xuyên	05/05/1979	GV	ĐHSPMN TCSPMN	30/05/2014 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
46	MN Chính Mỹ	9	Nguyễn Thị Duyên	08/07/1976	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
47	MN Chính Mỹ	10	Đỗ Thị Ngoan	25/12/1990	GV	ĐHSPMN	28/06/2012	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/03/2023	
48	MN Chính Mỹ	11	Ngô Thị Yến	12/08/1992	GV	ĐHSPMN CĐSPMN	23/08/2016 05/07/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/04/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/05/2022	
49	MN Chính Mỹ	12	Đỗ Thị Quỳnh	25/12/1994	GV	ĐHSPMN TCSPMN	09/03/2017 09/02/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
50	MN Chính Mỹ	13	Đỗ Thị Phượng	16/10/1996	GV	ĐHSPMN	23/07/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/02/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
51	MN Đông Sơn	1	Vũ Thị Minh Hương	23/11/1981	GV	TC SPMN ĐH SPMN	02/05/2005 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
52	MN Đông Sơn	2	Phạm Thị Thanh	27/07/1981	GV	TC SPMN ĐH SPMN	20/07/2005 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
53	MN Đông Sơn	3	Nguyễn Thị Thanh	07/09/1984	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/2007 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2022	
54	MN Đông Sơn	4	Bùi Thị Hương	11/03/1985	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/2007 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	
55	MN Đông Sơn	5	Phạm Thị Bích Liên	24/01/1978	GV	TC SPMN ĐH SPMN	20/06/1998 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
56	MN Đông Sơn	6	Nguyễn Thị Ngọc Hà	15/09/1988	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
57	MN Đông Sơn	7	Vũ Thị Đương	04/07/1987	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
58	MN Đông Sơn	8	Nguyễn Thị Hà	14/08/1988	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
59	MN Đông Sơn	9	Bùi Thị Cẩm Vân	20/09/1992	GV	TC SPMN ĐH SPMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V 07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
60	MN Đông Sơn	10	Đoàn Thị Thương Huyền	30/05/1993	GV	TC SPMN ĐH SPMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
61	MN Đông Sơn	11	Nguyễn Thị Thúy Liễu	10/07/1991	GV	TC SPMN ĐH SPMN	23/07/2013 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2023	
62	MN Đông Sơn	12	Lê Thị My	17/10/1996	GV	ĐH SP MN	23/07/2018	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,57	01/11/2023	01/08/2023	
63	MN Đông Sơn	13	Phạm Thị Mỹ Hạnh	12/11/1998	GV	ĐH SP MN	23/07/2020	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	1	2,34	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,24	01/11/2023	01/10/2023	
64	MN Đông Sơn	14	Hoàng Thị Hồng	07/01/1990	GV	TC SPMN ĐH SPMN	15/05/2018 28/10/2020	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	1	2,34	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,24	01/11/2023	01/10/2023	
65	MN Dương Quan	1	Bùi Thị Huế	05/08/1986	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
66	MN Dương Quan	2	Lê Thị Thu Nhã	04/10/1984	GV	ĐHSPMN TCSPMN	30/05/2014 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
67	MN Dương Quan	3	Lê Thị Thủy	10/12/1987	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
68	MN Dương Quan	4	Trương Thị Công	27/10/1989	GV	ĐH SP MN	23/06/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/01/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2023	
69	MN Dương Quan	5	Nguyễn Thị Tố Mơ	14/04/1984	GV	ĐH SP MN CĐ SP MN	23/08/2016 26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/05/2023	
70	MN Dương Quan	6	Nguyễn Thị Hải Linh	28/11/1993	GV	ĐHSPMN TCSPMN	09/03/2017 23/07/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/12/2022	
71	MN Dương Quan	7	Nguyễn Thị Thu	22/10/1978	GV	ĐHSPMN TCSPMN	29/03/2010 15/06/1999	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/03/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
72	MN Dương Quan	8	Phạm Thị Diễm Quỳnh	17/09/1995	GV	ĐH SP MN	19/07/2017	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/06/2022	
73	MN Gia Đức	1	Đỗ Thị Minh Sương	12/9/1981	GV	TC SPMN ĐH SPMN	20/7/2005; 24/1/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	1/2/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	1/11/2023	
74	MN Gia Đức	2	Trần Thị Thơ	3/6/1983	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/8/2007; 24/1/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	1/8/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	1/8/2022	
75	MN Gia Đức	3	Nguyễn Thị Hồng Thắm	2/9/1987	GV	TC SPMN ĐH SPMN	1/7/2011; 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	1/1/2022	
76	MN Gia Đức	4	Trịnh Thanh Huyền	17/11/1988	GV	TC SPMN ĐH SPMN	1/7/2011; 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/2/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	1/11/2023	
77	MN Gia Đức	5	Vũ Thị Đoàn	4/7/1990	GV	TC SPMN ĐH SPMN	1/8/2011; 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	1/2/2022	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
78	MN Gia Đức	6	Vũ Thị Thùy Linh	12/11/1995	GV	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015; 9/1/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/4/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	1/10/2023	
79	MN Gia Đức	7	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/8/1989	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/8/2010; 30/5/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	1/11/2023	
80	MN Gia Đức	8	Nguyễn Thị Yến	9/10/1990	GV	TC SPMN ĐH SPMN	13/8/2018; 28/10/2020	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	1	2,34	1/4/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0,24	01/11/2023	1/10/2023	
81	MN Gia Đức	9	Phùng Thị Hòa	14/4/1994	GV	TC SPMN ĐH SPMN	13/8/2018; 28/10/2020	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	1/4/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0,57	01/11/2023	1/10/2023	
82	MN Gia Minh	1	Trần Thị Tươi	15/7/1981	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/07/2005 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
83	MN Gia Minh	2	Nguyễn Thị Phương	05/10/1983	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/05/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	
84	MN Gia Minh	3	Đào Thị Hường	09/11/1992	GV	CĐSPMN ĐHSPMN	28/02/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
85	MN Gia Minh	4	Hoàng Thị Nụ	20/1/1991	GV	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2015 09/01/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
86	MN Gia Minh	5	Phạm Thị Lương	20/1/1995	GV	ĐH SPMN	19/7/2017	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	1	2,34	01/08/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,24	01/11/2023	01/12/2022	
87	MN Hòa Bình	1	Nguyễn Thị Tuyến	05/12/1972	GV	TC SP MN ĐHSPMN	01/12/2003 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/06/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
88	MN Hòa Bình	2	Hoàng Thị Lan Hương	18/11/1975	GV	TC SP MN ĐHSPMN	04/05/1999 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
89	MN Hòa Bình	3	Nguyễn Thị Thúy	01/03/1973	GV	TC SP MN ĐHSPMN	20/07/2005 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
90	MN Hòa Bình	4	Nguyễn Thị Hà	20/10/1979	GV	TC SP MN ĐHSPMN	03/09/2002 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
91	MN Hòa Bình	5	Nguyễn Thị Linh	17/07/1986	GV	TC SP MN ĐHSPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
92	MN Hòa Bình	6	Đỗ Thị Dịu	15/07/1988	GV	CĐ SP MN ĐHSPMN	28/07/2010 28/11/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2023	
93	MN Hòa Bình	7	Hoàng Thị Huế	24/09/1989	GV	ĐHSPMN	23/06/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/07/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
94	MN Hòa Bình	8	Trịnh Thị Lộc	16/06/1991	GV	CĐ SP MN ĐHSPMN	26/11/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2022	
95	MN Hòa Bình	9	Phùng Thị Dung	27/07/1990	GV	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
96	MN Hòa Bình	10	Hoàng Thị Mai	22/09/1993	GV	CĐ SP MN ĐHSPMN	26/11/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/05/2023	
97	MN Hòa Bình	11	Nguyễn Thị Thu Hương	17/08/1992	GV	TC SP MN ĐHSPMN	23/07/2013 22/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/10/2023	
98	MN Hòa Bình	12	Hoàng Thị Thơ	29/01/1992	GV	ĐHSPMN	26/06/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/3/2023	
99	MN Hòa Bình	13	Nguyễn Thi Trang	26/09/1992	GV	ĐHSPMN	23/06/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/5/2023	
100	MN Hòa Bình	14	Phạm Thị Linh	25/05/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	24/09/2012 22/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/04/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/3/2023	
101	MN Hòa Bình	15	Bùi Thị Liên	30/11/1989	GV	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/9/2023	
102	MN Hòa Bình	16	Nguyễn Thị Hoa Sen	25/12/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	12/10/2012 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2022	
103	MN Hoa Động	1	Phạm Thị Vân	27/04/1979	GV	TC SP MN ĐHSPMN	26/06/2000 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
104	MN Hoa Động	2	Đỗ Thị Thanh Hoa	07/10/1978	GV	TC SP MN ĐHSPMN	05/07/2003 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
105	MN Hoa Động	3	Trần Thị Vững	26/11/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	01/08/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
106	MN Hoa Động	4	Đồng Thị Tú Anh	26/06/1993	GV	TC SP MN ĐHSPMN	23/07/2013 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
107	MN Hoa Động	5	Đồng Thị Dung	22/07/1994	GV	TC SP MN ĐHSPMN	09/02/2015 09/03/2017	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
108	MN Hoa Động	6	Vũ Thị Lý	04/10/1994	GV	TC SP MN ĐHSPMN	09/02/2015 09/01/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
109	MN Hoa Động	7	Nguyễn Thị Duyên	08/10/1992	GV	ĐH SP MN	15/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,59	01/11/2023	01/07/2022	
110	MN Hoa Động	8	Trần Thị Mai Linh	19/02/1993	GV	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/06/2023	
111	MN Hoa Động	9	Cù Thị Giang	03/04/1994	GV	ĐH SP MN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
112	MN Hoa Động	10	Phạm Thị Phượng	11/02/1987	GV	ĐH SP MN	28/06/2010	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/03/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,61	01/11/2023	01/11/2022	
113	MN Hoa Động	11	Trịnh Thị Ngọc Ánh	30/05/1994	GV	ĐH SP MN	25/07/2016	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	1	2,34	01/12/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,24	01/11/2023	01/06/2023	
114	MN Hoàng Động	1	Trần Thị Thanh Ngoan	20/04/1978	GV	TCGDMN ĐHGDMN	03/09/2002 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
115	MN Hoàng Động	2	Trịnh Thị Nga	21/03/1984	GV	TCGDMN ĐHGDMN	27/08/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
116	MN Hoàng Động	3	Lê Thị Hiền	22/08/1989	GV	CĐGDMN ĐHGDMN	23/06/2011 28/11/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/07/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0,30	01/11/2023	01/01/2022	
117	MN Hoàng Động	4	Nguyễn Thị Hằng	10/10/1994	GV	ĐHGDMN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
118	MN Hoàng Động	5	Nguyễn Thu Vân	28/02/1996	GV	ĐHGDMN	23/07/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/07/2022	
119	MN Hoàng Động	6	Nguyễn Thị Hoa	11/01/1995	GV	TCGDMN ĐHGDMN	26/06/2015 09/01/2018	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/04/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/07/2022	
120	MN Hoàng Động	7	Phạm Thị Xuân	24/11/1996	GV	ĐHGDMN	21/01/2020	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	1	2,34	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.25	1	2,10	0,24	01/11/2023	01/04/2023	
121	MN Hợp Thành	1	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	22/09/1980	GV	ĐH GDMN TC SPMN	01/06/2012 16/06/2001	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
122	MN Hợp Thành	2	Cao Thị Ngọc Lan	22/11/1981	GV	ĐH GDMN TC GDMN	01/06/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
123	MN Hợp Thành	3	Trịnh Thị Thủy	23/10/1979	GV	ĐH GDMN TC GDMN	02/04/2014 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
124	MN Hợp Thành	4	Doãn Thanh Vân	28/12/1982	GV	ĐH GDMN TC GDMN	15/07/2013 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
125	MN Hợp Thành	5	Nguyễn Thị Thảo	23/10/1988	GV	ĐH GDMN TC GDMN	26/03/2015 01/08/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
126	MN Hợp Thành	6	Nguyễn Thị Dung	06/11/1989	GV	ĐH GDMN CĐ GDMN	23/08/2016 15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
127	MN Hợp Thành	7	Bùi Thị Hương	08/03/1987	GV	ĐH GDMN CĐ GDMN	23/08/2016 15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
128	MN Hợp Thành	8	Nguyễn Thị Nghĩa	07/02/1989	GV	ĐH GDMN TC GDMN	25/07/2016 25/03/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
129	MN Hợp Thành	9	Nguyễn Thị Tươi	15/12/1982	GV	ĐH GDMN CĐ GDMN	23/08/2016 28/02/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/11/2023	
130	MN Hợp Thành	10	Bùi Thị Thúy Lành	18/09/1993	GV	ĐH GDMN TC GDMN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
131	MN Kênh Giang	1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/02/1973	GV	TC SP MN ĐHSPMN	12/01/1999 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/04/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
132	MN Kênh Giang	2	Nguyễn Thị Hằng	28/05/1982	GV	CĐ SP MN ĐH SP MN	01/07/2005 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,36	01/11/2023	01/11/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
133	MN Kênh Giang	3	Nguyễn Thị Én	14/03/1971	GV	TC SP MN ĐHSPMN	12/01/1999 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
134	MN Kênh Giang	4	Nguyễn Thu Phương	22/08/1984	GV	TC SP MN ĐHSPMN	30/08/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	
135	MN Kênh Giang	5	Trần Thị Hà	19/07/1981	GV	TC SP MN ĐHSPMN	20/07/2005 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
136	MN Kênh Giang	6	Đỗ Thị Oánh	05/01/1983	GV	TC SP MN ĐHSPMN	30/08/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2023	
137	MN Kênh Giang	7	Phạm Thị Hương	20/04/1983	GV	TC SP MN ĐHSPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
138	MN Kênh Giang	8	Lê Thị Tuyết Mai	23/03/1983	GV	TC SP MN ĐHSPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
139	MN Kênh Giang	9	Hoàng Thị Thanh Nhàn	02/01/1982	GV	TC SP MN ĐHSPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
140	MN Kênh Giang	10	Nguyễn Thanh Phương	03/10/1981	GV	TC SP MN ĐHSPMN	27/08/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
141	MN Kênh Giang	11	Lương Thị Hương	16/03/1980	GV	TC SP MN ĐHSPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
142	MN Kênh Giang	12	Trần Thị Thu Hà	25/02/1989	GV	TC SP MN ĐHSPMN	01/07/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/01/2022	
143	MN Kênh Giang	13	Đỗ Thị Lộc	13/09/1987	GV	TC SP MN ĐHSPMN	01/07/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/01/2022	
144	MN Kênh Giang	14	Phạm Thị Thuý	05/12/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	01/08/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
145	MN Kênh Giang	15	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	06/12/1986	GV	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2022	
146	MN Kênh Giang	16	Nguyễn Thị Ngân	25/01/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	10/09/2013 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	
147	MN Kênh Giang	17	Tạ Thị Phương	12/08/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
148	MN Kênh Giang	18	Đào Thị Luyên	01/05/1994	GV	TC SP MN ĐHSPMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
149	MN Kênh Giang	19	Bùi Việt Hà	23/10/1994	GV	TC SP MN ĐHSPMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
150	MN Kênh Giang	20	Phạm Thị Thùy	04/08/1994	GV	ĐH SP MN	25/10/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,59	01/11/2023	01/05/2022	
151	MN Kênh Giang	21	Đặng Thị Huyền Trang	09/11/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	16/06/2011 30/05/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/04/2022	
152	MN Kênh Giang	22	Nguyễn Thị Thu Hà	25/06/1994	GV	ĐH SP MN	25/10/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,59	01/11/2023	01/05/2022	
153	MN Kênh Giang	23	Nguyễn Thị Thiên Nga	30/07/1985	GV	ĐH SP MN	24/01/2011	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/02/2022	
154	MN Kênh Giang	24	Nguyễn Thị Thảo	15/11/1991	GV	TC SP MN ĐHSPMN	01/08/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
155	MN Kiến Bái	1	Nguyễn Thị Thuý Nga	04/04/1972	GV	ĐH GDMN TC SPMN	16/03/2009 03/09/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,36	01/11/2023	01/03/2023	
156	MN Kiến Bái	2	Lê Thị Phương Loan	11/03/1982	GV	ĐH GDMN TC SPMN	29/3/2010 20/7/2005	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/08/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/01/2022	
157	MN Kiến Bái	3	Bùi Thị Xuyến	08/02/1985	GV	ĐH GDMN TC SPMN	08/08/2012 06/10/2008	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2023	
158	MN Kiến Bái	4	Phạm Thị Lan Anh	28/07/1984	GV	ĐH GDMN TC SPMN	01/06/2012 20/04/2009	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/04/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
159	MN Kiến Bái	5	Đỗ Thị Huệ	06/07/1982	GV	ĐH GDMN TC SPMN	15/07/2013 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
160	MN Kiến Bái	6	Bùi Thị Huyền	17/12/1982	GV	ĐH GDMN TC SPMN	15/07/2013 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
161	MN Kiến Bái	7	Đỗ Thị Hoa	16/02/1987	GV	ĐH GDMN TC SPMN	15/07/2013 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
162	MN Kiến Bái	8	Đặng Thị Nam	26/08/1987	GV	ĐH GDMN TC SPMN	15/07/2013 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
163	MN Kiến Bái	9	Nguyễn Thị Thủy	07/12/1988	GV	ĐH GDMN TC SPMN	15/07/2013 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
164	MN Kiến Bái	10	Nguyễn Thị Vân	02/09/1989	GV	ĐH GDMN CĐ SPMN	03/06/2013 28/07/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2023	
165	MN Kiến Bái	11	Đoàn Thị Hạnh	14/12/1990	GV	ĐH GDMN TC SPMN	15/07/2013 15/06/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0,30	01/11/2023	01/02/2022	
166	MN Kiến Bái	12	Đỗ Thị My	15/06/1993	GV	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 25/02/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2022	
167	MN Kiến Bái	13	Lã Thị Vân Đoan	24/10/1985	GV	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
168	MN Kiến Bái	14	Đồng Thị Thủy	20/09/1990	GV	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 10/09/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
169	MN Kiến Bái	15	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/10/1987	GV	ĐH GDMN TC SPMN	09/03/2017 10/09/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/06/2023	
170	MN Kiến Bái	16	Ngô Thị Ngọc Mỹ	17/04/1997	GV	ĐH GDMN TC SPMN	28/10/2020 12/06/2017	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/03/2022	
171	MN Kiến Bái	17	Nguyễn Thị Thúy	09/01/1993	GV	ĐH GDMN TC SPMN	09/03/2017 20/10/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/06/2023	
172	MN Kỳ Sơn	1	Trần Thị Hạnh	27/09/1974	GV	TC-ĐH SP Mầm non	03/9/2002 09/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/03/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
173	MN Kỳ Sơn	2	Đinh Thị Hòa	18/08/1979	GV	TC-ĐH SP Mầm non	26/6/2000 16/03/2009	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
174	MN Kỳ Sơn	3	Nguyễn Thị Thoa	11/09/1982	GV	TC-ĐH SP Mầm non	20/7/2005 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/03/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,34	01/11/2023	01/01/2022	
175	MN Kỳ Sơn	4	Vũ Thị Hương	29/07/1983	GV	TC-ĐH SP Mầm non	03/8/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2023	
176	MN Kỳ Sơn	5	Nguyễn Thị Vui	02/10/1988	GV	TC-ĐH SP Mầm non	27/8/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
177	MN Kỳ Sơn	6	Đào Thị Thanh Nga	12/02/1979	GV	TC-ĐH SP Mầm non	27/8/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
178	MN Kỳ Sơn	7	Nguyễn Thị Lý	22/11/1987	GV	TC-ĐH SP Mầm non	27/8/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
179	MN Kỳ Sơn	8	Trịnh Thị Dung	20/08/1985	GV	TC-ĐH SP Mầm non	06/6/2007 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
180	MN Kỳ Sơn	9	Đỗ Thị Thanh Hoa	25/07/1985	GV	TC-ĐH SP Mầm non	01/7/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/01/2022	
181	MN Kỳ Sơn	10	Đỗ Thị Nga	10/11/1986	GV	TC-ĐH SP Mầm non	01/8/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
182	MN Kỳ Sơn	11	Bùi Thị Hiện	26/04/1988	GV	ĐH SP Mầm non	23/06/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0,30	01/11/2023	01/02/2022	
183	MN Kỳ Sơn	12	Trần Thị Vân	20/06/1980	GV	TC-ĐH SP Mầm non	25/4/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/05/2023	
184	MN Kỳ Sơn	13	Đoàn Thị Bích Thủy	06/08/1993	GV	TC-ĐH SP Mầm non	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/05/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
185	MN Kỳ Sơn	14	Đỗ Thị Quyên	11/12/1983	GV	ĐH SP Mầm non	30/08/2007 08/08/2012	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/06/2022	
186	MN Kỳ Sơn	15	Nguyễn Thị Hậu	10/02/1990	GV	TC-ĐH SP Mầm non	25/3/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/06/2023	
187	MN Kỳ Sơn	16	Lê Thị Huệ	27/12/1992	GV	CĐ-ĐH SP Mầm non	15/7/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
188	MN Lại Xuân	1	Đỗ Thị Thu Hiền	19/09/1983	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/08/2023	
189	MN Lại Xuân	2	Thân Thị Nguyên	24/08/1973	GV	TCSP MN ĐHSP MN	26/6/2000 29/3/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
190	MN Lại Xuân	3	Nguyễn Thị Bình	07/03/1973	GV	TCSP MN ĐHSP MN	20/7/2005 28/2/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
191	MN Lại Xuân	4	Vũ Thị Tuyết	26/06/1981	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 30/5/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
192	MN Lại Xuân	5	Nguyễn Thị Thúy	05/10/1990	GV	TCSP MN ĐHSP MN	20/1/2011 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
193	MN Lại Xuân	6	Trần Hồng Ninh	13/02/1987	GV	ĐHSPMN	28/6/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2023	
194	MN Lại Xuân	7	Nguyễn Thị Thảo	20/09/1988	GV	TCSP MN ĐHSP MN	01/8/2011 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
195	MN Lại Xuân	8	Phạm Thị Huyền	26/02/1993	GV	TCSP MN ĐHSP MN	25/4/2014 09/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
196	MN Lại Xuân	9	Đặng Thị Dịu	26/06/1982	GV	TCSP MN ĐHSP MN	25/4/2014 09/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2022	
197	MN Lại Xuân	10	Bùi Kim Thùy	18/01/1992	GV	TCSP MN ĐHSP MN	25/4/2014 09/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
198	MN Lại Xuân	11	Bùi Thị Khánh Linh	25/05/1992	GV	TCSP MN ĐHSP MN	03/4/2014 09/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
199	MN Lại Xuân	12	Nguyễn Nhật Minh	08/03/1985	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
200	MN Lâm Động	1	Nguyễn Thị Thúy Huyền	20/02/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
201	MN Lâm Động	2	Phạm Thị Nguyệt	06/05/1973	GV	TCSPMN ĐHSPMN	03/9/2002 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
202	MN Lâm Động	3	Lê Thị Vân	10/01/1978	GV	TCSPMN ĐHSPMN	15/06/1999 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
203	MN Lâm Động	4	Nguyễn Thị Thanh My	28/02/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65		01/11/2023	01/08/2023	
204	MN Lâm Động	5	Ngô Quỳnh Như	15/01/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
205	MN Lâm Động	6	Ngô Thị Thu	21/01/1982	GV	TC SPMN ĐH GDMN	27/08/2010 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
206	MN Lâm Động	7	Giang Thị Oanh	24/01/1987	GV	TC SPMN ĐH GDMN	27/08/2010 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
207	MN Lâm Động	8	Hà Thị Phương Thảo	30/06/1989	GV	TC SPMN ĐH GDMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
208	MN Lâm Động	9	Đồng Thị Lan Hương	13/10/1986	GV	TC SPMN ĐH GDMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
209	MN Lâm Động	10	Lã Thị Thanh Vân	15/12/1991	GV	TC SPMN ĐH GDMN	01/08/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
210	MN Lâm Động	11	Nguyễn Trịnh Yến	11/3/1992	GV	CĐ GDMN ĐH GDMN	05/07/2013 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2022	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
211	MN Lâm Động	12	Nguyễn Thị Hải Yến	14/04/1992	GV	CĐ GDMN ĐH GDMN	05/7/2013 '05/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2022	
212	MN Lâm Động	13	Doãn Thu Hương	15/12/1988	GV	TC SPMN ĐH GDMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
213	MN Lâm Động	14	Ngô Thanh Huyền	10/12/1994	GV	ĐH GDMN	25/7/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
214	MN Lập Lễ	1	Đỗ Thị Liên	08/09/1990	GV	CĐSPMN ĐH SP MN	23/06/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/12/2021	
215	MN Lập Lễ	2	Đinh Thị Thanh Hoa	11/09/1979	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	03/09/2002 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
216	MN Lập Lễ	3	Phạm Thị Huyên	18/03/1976	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	30/08/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/11/2022	
217	MN Lập Lễ	4	Nguyễn Thị Phượng	03/04/1979	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	20/07/2005 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
218	MN Lập Lễ	5	Nguyễn Thị Hằng	28/12/1982	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	20/07/2005 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
219	MN Lập Lễ	6	Trương Thị Hiền	05/01/1982	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	30/08/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
220	MN Lập Lễ	7	Nguyễn Thị Hằng	18/03/1981	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	27/08/2010 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
221	MN Lập Lễ	8	Nguyễn Thị Thúy Hường	28/06/1983	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	27/08/2010 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
222	MN Lập Lễ	9	Phạm Thị Dung	07/01/1991	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	01/08/2011 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
223	MN Lập Lễ	10	Phạm Thị Hoa	25/10/1987	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
224	MN Lập Lễ	11	Bùi Thị Chang	21/08/1993	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	23/07/2013 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	
225	MN Liên Khê	1	Đỗ Thị Bình	14/12/1982	GV	TCSP MN ĐHSP MN	20/07/2005 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
226	MN Liên Khê	2	Nguyễn Thị Khánh	05/05/1980	GV	TCSP MN ĐHSP MN	20/07/2005 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
227	MN Liên Khê	3	Lê Thị Ninh	05/07/1986	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
228	MN Liên Khê	4	Đặng Thị Huyền	26/10/1984	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
229	MN Liên Khê	5	Lê Thị Thanh	21/05/1991	GV	CĐSP MN ĐHSP MN	26/11/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2022	
230	MN Liên Khê	6	Đỗ Thị Uyên	14/01/1991	GV	ĐHSP MN	26/06/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
231	MN Liên Khê	7	Nguyễn Thị Thu Hà	09/03/1993	GV	TCSP MN ĐHSP MN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
232	MN Liên Khê	8	Đoàn Thị Hiền	03/12/1990	GV	TCSP MN ĐHSP MN	10/09/2013 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	
233	MN Liên Khê	9	Phạm Tuyết Trinh	19/04/1991	GV	CĐSP MN ĐHSP MN	15/07/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
234	MN Liên Khê	10	Đoàn Thị Ngân	28/03/1992	GV	TCSP MN ĐHSP MN	23/07/2013 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2022	
235	MN Liên Khê	11	Lý Thị Hiền	21/03/1993	GV	ĐHSP MN	23/06/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
236	MN Liên Khê	12	Nguyễn Thị Phương	30/09/1987	GV	CĐSP MN ĐHSP MN	26/11/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2022	
237	MN Liên Khê	13	Ngô Thị Loan	27/06/1991	GV	TCSP MN ĐHSP MN	10/09/2013 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
238	MN Liên Khê	14	Hà Thị Là	05/09/1990	GV	TCSP MN ĐHSP MN	26/12/2010 29/12/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
239	MN Liên Khê	15	Trần Thị Nhàn	05/02/1994	GV	ĐHSP MN	25/10/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
240	MN Liên Khê	16	Bùi Thị Hằng	14/11/1992	GV	TCSP MN ĐHSP MN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/06/2023	
241	MN Liên Khê	17	Nguyễn Thị Thu	06/11/1996	GV	ĐHSP MN	23/07/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/08/2023	
242	MN Lưu Kiếm	1	Bùi Thị Mai Huyên	28/5/1971	GV	Sơ cấp TC SPMN ĐH SPMN	10/6/1994 4/5/1999 8/8/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	1/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
243	MN Lưu Kiếm	2	Lê Thị Hằng	18/5/1984	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/8/2007 28/2/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	1/3/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2022	
244	MN Lưu Kiếm	3	Phạm Thị Hòa	20/4/1984	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/8/2010 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	1/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/08/2023	
245	MN Lưu Kiếm	4	Lê Thị Hường	25/9/1984	GV	TC SPMN ĐH SPMN	1/8/2010 30/5/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
246	MN Lưu Kiếm	5	Vũ Thị Tuyết	8/11/1990	GV	TC SPMN ĐH SPMN	28/10/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
247	MN Lưu Kiếm	6	Phạm Thị Lừng	2/1/1980	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/8/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	1/9/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
248	MN Lưu Kiếm	7	Cù Thị Thuỳ	17/8/1991	GV	TC SPMN ĐH SPMN	1/8/2011 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/2/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
249	MN Lưu Kiếm	8	Nguyễn Thị Thu Hương	29/3/1990	GV	CD SPMN ĐH SPMN	23/6/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
250	MN Lưu Kiếm	9	Hoàng Thị Thu Hiền	7/9/1991	GV	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 09/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/9/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
251	MN Lưu Kiếm	10	Vũ Thị Huyền	24/10/1993	GV	TC SPMN ĐH SPMN	25/04/2014 9/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
252	MN Lưu Kiếm	11	Hoàng Thị Hằng	2/3/1991	GV	TC SPMN ĐH SPMN	01/08/2011 26/03/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
253	MN Lưu Kiếm	12	Cù Thị Linh	11/6/1993	GV	TC SPMN ĐH SPMN	20-10-2014 09/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
254	MN Lưu Kiếm	13	Phạm Thị Ny	31/7/1993	GV	TC SPMN ĐH SPMN	23/7/2013 9/3 /2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/05/2023	
255	MN Lưu Kiếm	14	Cù Thị Hiền	25/12/1986	GV	TC SPMN ĐH SPMN	25/4/2014 9/3/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
256	MN Lưu Kiếm	15	Nguyễn Thị Phương Nhung	21/8/1993	GV	ĐH SPMN	23/6/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/2/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
257	MN Lưu Kiếm	16	Lê Thị Phương	6/7/1996	GV	ĐH SPMN	23/7/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	1/8/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0,57	01/11/2023	01/02/2022	
258	MN Lưu Kiếm	17	Vũ Thị Phượng	5/1/1997	GV	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	1/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0,57	01/11/2023	01/06/2022	
259	MN Lưu Kiếm	18	Bùi Thị Hà	2/3/1990	GV	TC SPMN ĐH SPMN	1/8/2011 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	1/2/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
260	MN Lưu Kiếm	19	Vũ Thị Phương	04/04/1991	GV	TC SPMN ĐH SPMN	20/01/2014 09/03/2017	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/6/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72		01/11/2023	01/11/2023	
261	MN Lưu Kỳ	1	Phạm Thị Thu Hiền	12/12/1979	GV	TC SPMN ĐH SPMN	03/09/2002 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
262	MN Lưu Kỳ	2	Cù Thị Hồng	10/08/1995	GV	ĐH SPMN	19/07/2017	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	1	2,34	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,24	01/11/2023	01/10/2023	
263	MN Lưu Kỳ	3	Nguyễn Thị Thơm	14/01/1994	GV	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 07/01/2019	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,57	01/11/2023	01/10/2023	
264	MN Lưu Kỳ	4	Nguyễn Thị Hoàng Mai	10/05/1986	GV	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
265	MN Lưu Kỳ	5	Đào Thị Mến	04/04/1986	GV	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,10	0,57	01/11/2023	01/10/2022	
266	MN Lưu Kỳ	6	Lê Thị Tuân	25/02/1984	GV	TC SPMN ĐH SPMN	10/09/2013 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	
267	MN Lưu Kỳ	7	Lê Bích Ngọc	07/10/1992	GV	CĐ SP MN ĐH SP MN	05/07/2013 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2022	
268	MN Lưu Kỳ	8	Đào Thị Khánh Huyền	01/12/1990	GV	TC SPMN ĐH SPMN	01/07/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/01/2022	
269	MN Lưu Kỳ	9	Phạm Thị Thảo Nguyên	01/10/1994	GV	ĐH SPMN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
270	MN Minh Đức	1	Lê Thị Hương	13/02/1974	GV	TC SPMN ĐH SPMN	20/06/1998 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/03/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
271	MN Minh Đức	2	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/05/1980	GV	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2000 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
272	MN Minh Đức	3	Phạm Thị Mai Hương	12/12/1972	GV	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2000 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
273	MN Minh Đức	4	Phạm Thị Trang	06/10/1985	GV	TC SPMN ĐH SPMN	30/8/2005 14/9/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/07/2022	
274	MN Minh Đức	5	Trần Thị Nhung	21/10/1983	GV	CĐ SP MN ĐH SP MN	26/05/2006 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,34	01/11/2023	01/08/2022	
275	MN Minh Đức	6	Nguyễn Phương Nam	12/04/1983	GV	TC SPMN ĐH SPMN	01/08/2011 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
276	MN Minh Đức	7	Phạm Thị Huyền	21/08/1987	GV	TC SPMN ĐH SPMN	01/08/2011 26/3/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
277	MN Minh Đức	8	Phạm Thị Mai	18/02/1984	GV	TC SPMN ĐH SPMN	08/07/2011 18/12/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/01/2022	
278	MN Minh Đức	9	Lê Thị Thuý	15/09/1979	GV	TC SPMN ĐH SPMN	16/6/2001 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
279	MN Minh Tân	1	Hoàng Thị Hương	29/05/1979	GV	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2000 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
280	MN Minh Tân	2	Đinh Thị Hương	11/02/1978	GV	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2000 16/03/2009	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
281	MN Minh Tân	3	Vũ Thị Lan	15/12/1978	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2023	
282	MN Minh Tân	4	Vũ Thị Ninh	21/11/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
283	MN Minh Tân	5	Nguyễn Thị Điệp	08/07/1987	GV	TCSPMN ĐHSPMN	28/10/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
284	MN Minh Tân	6	Nguyễn Thị Phượng	19/02/1989	GV	TCSPMN ĐHSPMN	28/10/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
285	MN Minh Tân	7	Hoàng Thị Thức	13/10/1988	GV	TCSPMN ĐHSPMN	28/10/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
286	MN Minh Tân	8	Bùi Thị Hải	17/11/1990	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
287	MN Minh Tân	9	Vũ Thị Ngà	19/08/1991	GV	CĐSPMN ĐHSPMN	05/07/2013 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
288	MN Minh Tân	10	Nguyễn Thi Giang	01/06/1981	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
289	MN Minh Tân	11	Nguyễn Thị Trang	19/08/1993	GV	ĐHSPMN	23/06/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
290	MN Minh Tân	12	Phạm Thị Hoà Trang	13/06/1989	GV	ĐHSPMN	23/06/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/07/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
291	MN Mỹ Đồng	1	Đinh Thuý Mai	05/04/1981	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
292	MN Mỹ Đồng	2	Đoàn Thị Loan	22/04/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
293	MN Mỹ Đồng	3	Nguyễn Thị Loan	04/03/1971	GV	TCSPMN ĐHSPMN	03/09/2002 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
294	MN Mỹ Đồng	4	Đỗ Thị Năm	02/06/1984	GV	CĐSP MN ĐH SP MN	15/07/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
295	MN Mỹ Đồng	5	Đinh Thị Nhung	27/07/1987	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
296	MN Mỹ Đồng	6	Hà Thị Thu Xuyên	25/08/1981	GV	TCSPMN ĐHSPMN	26/08/2002 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/02/2023	
297	MN Mỹ Đồng	7	Vũ Thị Kim Anh	04/04/1978	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/08/1999 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
298	MN Mỹ Đồng	8	Đỗ Thị Hằng	19/01/1996	GV	ĐH SP Mầm non	23/07/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/08/2023	
299	MN Mỹ Đồng	9	Phạm Thị Lan Anh	27/01/1975	GV	TCSPMN ĐHSPMN	03/09/2002 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
300	MN Mỹ Đồng	10	Đào Thị Thu	30/11/1987	GV	TCSPMN ĐHSPMN	14/06/2007 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/01/2022	
301	MN Mỹ Đồng	11	Nguyễn Thị Phương	15/07/1991	GV	CĐSP MN ĐH SP MN	15/07/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2022	
302	MN Mỹ Đồng	12	Nguyễn Thị Mai Phượng	29/03/1977	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/08/1999 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
303	MN Mỹ Đồng	13	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/11/1977	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/06/1998 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
304	MN Mỹ Đồng	14	Nguyễn Thị Thu Phương	18/02/1995	GV	ĐH SP MN	19/07/2017	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/08/2023	
305	MN Mỹ Đồng	15	Hoàng Thu Thuỷ	19/11/1996	GV	ĐH SP MN	23/07/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/08/2023	
306	MN Mỹ Đồng	16	Nguyễn Thị Ngọc	30/12/1991	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2022	
307	MN Mỹ Đồng	17	Đào Thị Hồng Lê	17/01/1991	GV	ĐH SP MN	05/07/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2022	
308	MN Mỹ Đồng	18	Nguyễn Thị Dung	29/01/1979	GV	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2000 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
309	MN Mỹ Đồng	19	HoàngThị Thu Huyền	25/12/1987	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 04/12/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
310	MN Ngũ Lão	1	Đỗ Thị Hiện	06/11/1980	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	03/09/2002 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/12/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/06/2022	
311	MN Ngũ Lão	2	Nguyễn Phương Thảo	30/09/1983	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	30/08/2007 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
312	MN Ngũ Lão	3	Bùi Thị Loan	05/08/1979	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	03/09/2002 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
313	MN Ngũ Lão	4	Phạm Thị Hảo	21/10/1983	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	27/08/2010 02/04/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
314	MN Ngũ Lão	5	Trần Thị Thu Hiền	01/02/1983	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	27/8/2010 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
315	MN Ngũ Lão	6	Đỗ Thị Thu Hường	23/03/1987	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	27/8/2010 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
316	MN Ngũ Lão	7	Phạm Thị Hà	14/10/1981	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	27/8/2010 30/12/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
317	MN Ngũ Lão	8	Bùi Thị Nụ	28/02/1987	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	27/8/2010 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/08/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
318	MN Ngũ Lão	9	Đỗ Thị Phương Thảo	24/08/1987	GV	CĐMN- ĐH SP Mầm non	06/07/2009 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2023	
319	MN Ngũ Lão	10	Vũ Thị Thúy Hà	13/12/1988	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	16/06/2011 04/12/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0,30	01/11/2023	01/02/2022	
320	MN Ngũ Lão	11	Nguyễn Thị Yến	17/9/1993	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2022	
321	MN Ngũ Lão	12	Đỗ Thị Vân	14/03/1993	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2022	
322	MN Ngũ Lão	13	Lê Thị Thu	16/01/1985	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	25/03/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	
323	MN Ngũ Lão	14	Bùi Thanh Thương	06/06/1988	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	25/03/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
324	MN Ngũ Lão	15	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/9/1992	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2022	
325	MN Ngũ Lão	16	Nguyễn Thị Thắm	22/8/1989	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	25/03/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2022	
326	MN Ngũ Lão	17	Phạm Thị Thu	06/07/1990	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	08/07/2011 05/03/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
327	MN Ngũ Lão	18	Hoàng Thị Huyền	09/09/1994	GV	TCMN- ĐH SP Mầm non	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2023	
328	MN Phá Lễ	1	Lê Thị Nguyệt	23/01/1979	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/07/2005 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
329	MN Phá Lễ	2	Phạm Thị Hoa	15/10/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/07/2005 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
330	MN Phá Lễ	3	Đinh Thị Tú Oanh	30/10/1981	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
331	MN Phá Lễ	4	Đinh Thị Lệ	28/10/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2023	
332	MN Phá Lễ	5	Đinh Thị Liên	11/06/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
333	MN Phá Lễ	6	Phạm Thị Sang	13/10/1980	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/08/2023	
334	MN Phá Lễ	7	Phạm Thị Minh	01/11/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
335	MN Phù Ninh	1	Đỗ Thị Hằng	07/03/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/07/2005 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/03/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,34	01/11/2023	01/01/2022	
336	MN Phù Ninh	2	Nguyễn Thị Hồng	29/03/1983	GV	TCSPMN ĐHSPMN	02/11/2004 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
337	MN Phù Ninh	3	Vũ Thị Thoa	20/03/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/08/2006 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/06/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
338	MN Phù Ninh	4	Vũ Thị Thoa	29/09/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 04/12/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
339	MN Phù Ninh	5	Mạc Phương Lan	25/07/1984	GV	TCSPMN ĐHSPMN	15/10/2007 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/01/2023	
340	MN Phù Ninh	6	Hoàng Thị Mai	26/10/1989	GV	TCSPMN ĐHSPMN	16/06/2009 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/11/2023	
341	MN Phù Ninh	7	Nguyễn Thị Hải Hà	28/11/1993	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
342	MN Phù Ninh	8	Vũ Thúy Hạnh Hoa	31/01/1993	GV	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
343	MN Phục Lễ	1	Nguyễn Thị Minh Châu	09/05/1975	GV	TC,ĐHSP Mầm non	20/07/2005 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/03/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,34	01/11/2023	01/02/2022	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
344	MN Phục Lễ	2	Phạm Thị Quyên	08/10/1971	GV	TC,ĐHSP Mầm non	12/01/1999 14/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
345	MN Phục Lễ	3	Bùi Thị Tươi	27/10/1978	GV	TC,ĐHSP Mầm non	15/06/1999 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
346	MN Phục Lễ	4	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	18/03/1985	GV	TC,ĐHSP Mầm non	30/08/2007 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	
347	MN Phục Lễ	5	Phạm Thị Phương	19/12/1987	GV	TC,ĐHSP Mầm non	22/06/2008 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/05/2023	
348	MN Phục Lễ	6	Vũ Thị Hải Hạnh	14/09/1986	GV	TC,ĐHSP Mầm non	01/08/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
349	MN Phục Lễ	7	Phạm Thị Thu	22/02/1990	GV	TC,ĐHSP Mầm non	26/12/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
350	MN Phục Lễ	8	Bùi Thị Thương	11/11/1983	GV	TC,ĐHSP Mầm non	01/08/2011 02/04/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
351	MN Phục Lễ	9	Phạm Thị Thuỳ	26/10/1989	GV	CĐ,ĐHSP Mầm non	22/06/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
352	MN Phục Lễ	10	Bùi Thị Thúy	26/02/1990	GV	TC,ĐHSP Mầm non	20/10/2014 09/01/2018	30/01/2019	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2023	
353	MN Phục Lễ	11	Nguyễn Thị Lan Anh	22/10/1991	GV	CĐ,ĐHSP Mầm non	08/11/2013 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/12/2021	
354	MN Phục Lễ	12	Lê Thị Hồng Vân	27/10/1984	GV	TC,ĐHSP Mầm non	27/08/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
355	MN Quảng Thanh	1	Đoàn Thị Nguyệt	10/04/1983	GV	ĐHSP MN TCSP MN	08/08/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
356	MN Quảng Thanh	2	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/08/1972	GV	ĐHSP MN TCSP MN	28/02/2012 03/09/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
357	MN Quảng Thanh	3	Nguyễn Thị Hường	01/02/1982	GV	ĐHSP MN TCSP MN	28/02/2012 20/01/2008	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/10/2023	
358	MN Quảng Thanh	4	Nguyễn Thị Thu	16/09/1983	GV	ĐHSP MN TCSP MN	08/08/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/05/2022	
359	MN Quảng Thanh	5	Trần Thị Phượng	02/01/1983	GV	ĐHSP MN TCSP MN	30/05/2014 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
360	MN Quảng Thanh	6	Nguyễn Thị Tình	19/10/1988	GV	ĐHSP MN TCSP MN	10/10/2014 06/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/03/2022	
361	MN Quảng Thanh	7	Đỗ Thúy Hà	21/07/1983	GV	ĐHSP MN TCSP MN	26/03/2015 01/07/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/01/2022	
362	MN Quảng Thanh	8	Vũ Thị Huyền	23/02/1991	GV	ĐHSP MN TCSP MN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2022	
363	MN Quảng Thanh	9	Nguyễn Hạnh Quyên	05/06/1992	GV	ĐHSP MN TCSP MN	09/03/2017 20/10/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2022	
364	MN Quảng Thanh	10	Nguyễn Thị Phương Thủy	13/11/1987	GV	ĐHSP MN TCSP MN	09/03/2017 01/08/2011	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/07/2022	
365	MN Quảng Thanh	11	Trần Thị Thu Hà	20/06/1993	GV	ĐHSP MN CĐSP MN	23/08/2016 26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2022	
366	MN Quảng Thanh	12	Nguyễn Thị Huyền	03/11/1993	GV	ĐHSP MN TCSP MN	09/03/2017 20/10/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
367	MN Quảng Thanh	13	Đỗ Thị Hằng	23/09/1987	GV	ĐHSP MN TCSP MN	09/03/2017 20/10/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,59	01/11/2023	01/05/2022	
368	MN Quảng Thanh	14	Đinh Thị Vân Anh	06/08/1992	GV	ĐHSP MN TCSP MN	25/07/2016 23/07/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
369	MN Quảng Thanh	15	Vũ Thị Nhi	29/03/1989	GV	ĐHSP MN TCSP MN	09/03/2017 23/07/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2022	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
370	MN Quảng Thanh	16	Lê Thị Phương	23/09/1992	GV	ĐHSP MN CĐSP MN	23/08/2016 15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/01/2023	
371	MN Sao Mai	1	Phạm Thị Hiền	04/11/1978	GV	TC SPMN ĐH GDMN	15/06/1999 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
372	MN Sao Mai	2	Phạm Thị Biển	12/11/1970	GV	TC GDMN ĐH GDMN	03/09/2002 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
373	MN Sao Mai	3	Lã Thị Tình	05/10/1976	GV	TCSPMN ĐHGDMN	15/06/1999 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/03/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
374	MN Sao Mai	4	Bùi Thị Thư Hà	29/07/1980	GV	TCSPMN ĐH GDMN	16/06/2001 22/12/2008	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/01/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,36	01/11/2023	01/04/2022	
375	MN Sao Mai	5	Đào Thị Kiều Dung	26/11/1982	GV	CĐ SP NTMG ĐHGDMN	22/06/2004 18/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,36	01/11/2023	01/11/2023	
376	MN Sao Mai	6	Trần Thị Thúy	20/06/1979	GV	TCSP MN ĐHGDMN	26/06/2000 29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/04/2022	
377	MN Sao Mai	7	Nguyễn Thị Doan	04/01/1980	GV	TC GDMN ĐH GDMN	22/10/2002 29/3/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/03/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
378	MN Sao Mai	8	Đào Thị Mai	26/11/1983	GV	TC GDMN ĐHGDMN	27/08/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
379	MN Sao Mai	9	Chu Thị Hiền	15/05/1980	GV	CĐ NTMG ĐHGDMN	10/08/2002 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,69	01/11/2023	01/10/2022	
380	MN Sao Mai	10	Nguyễn Thị Nga	27/08/1988	GV	TC DGMN ĐHGD	27/08/2010 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,0	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
381	MN Sao Mai	11	Đỗ Thị Thanh Huyền	17/04/1983	GV	TC GD MN ĐHSPMN	27/08/2010 04/12/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
382	MN Sao Mai	12	Hoàng Thị Yến	23/06/1988	GV	TC GDMN ĐHGDMN	27/08/2010 15/07/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
383	MN Sao Mai	13	Nguyễn Thị Tâm	11/05/1987	GV	TCGDMN ĐHGDMN	27/08/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
384	MN Sao Mai	14	Nguyễn Thị Thảo	13/01/1994	GV	TC GDMN ĐH GDMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
385	MN Sao Mai	15	Nguyễn Thị Phượng	02/12/1989	GV	CĐ GDMN ĐHGDMN	14/05/2014 23/8/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/02/2022	
386	MN Sao Mai	16	Phạm Thị Phương Thoa	24/07/1986	GV	TC GDMN ĐHGDMN	27/08/2010 02/04/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
387	MN Sao Mai	17	Nguyễn Thị Yến	10/09/1994	GV	TC GDMN ĐHGDMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
388	MN Sao Mai	18	Phạm Thị Tuyết Hạnh	17/02/1991	GV	TCGD MN ĐHSPMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
389	MN Sao Mai	19	Chu Thị Thanh	09/10/1994	GV	ĐH GDMN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
390	MN Sao Mai	20	Phạm Thị Thu Nga	18/08/1994	GV	ĐH GDMN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
391	MN Sao Mai	21	Đỗ Thị Hồng Huyên	13/11/1994	GV	ĐH GDMN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
392	MN Sao Mai	22	Đỗ Thị Thu	30/06/1992	GV	ĐH GDMN	26/06/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.25	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2023	
393	MN Tam Hưng	1	Lại Thu Hằng	10/10/1983	GV	TC,ĐH SP Mầm non	30/08/2007 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	
394	MN Tam Hưng	2	Đinh Thị Nga	20/02/1982	GV	TC,ĐH SP Mầm non	05/12/200408/ 08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/08/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/07/2022	
395	MN Tam Hưng	3	Lại Thị Lựa	16/07/1985	GV	TC,ĐH SP Mầm non	30/08/2007 01/06/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
396	MN Tam Hưng	4	Nguyễn Thị Thanh	09/08/1984	GV	TC,ĐH SP Mầm non	21/03/2007 04/12/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
397	MN Tam Hưng	5	Phạm Thị Huyền	19/09/1983	GV	TC,ĐH SP Mầm non	01/08/2011 02/04/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
398	MN Tân Dương	1	Nguyễn Thị Chinh	22/09/1974	GV	TCMN ĐH SPMN	26/06/2000 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
399	MN Tân Dương	2	Nguyễn Thị Oanh	08/02/1978	GV	TCMN ĐH SPMN	26/06/2000 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
400	MN Tân Dương	3	Đào Thị Lan Anh	17/05/1978	GV	TCMN ĐH SPMN	26/06/2000 '29/03/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
401	MN Tân Dương	4	Nguyễn Thị Ninh	04/07/1973	GV	TCMN ĐH SPMN	04/05/1999 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
402	MN Tân Dương	5	Đồng Thị Duyên	18/02/1987	GV	TCMN ĐH SPMN	27/08/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
403	MN Tân Dương	6	Nguyễn Thu Trang	31/10/1984	GV	TCMN ĐH SPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
404	MN Tân Dương	7	Đặng Thị Thu Trang	24/12/1984	GV	TCMN ĐH SPMN	27/08/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
405	MN Tân Dương	8	Phạm Ngọc Trang	09/03/1988	GV	TCMN ĐH SPMN	01/07/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
406	MN Tân Dương	9	Hoàng Thị Ngọc Yến	19/11/1984	GV	TCMN ĐH SPMN	25/04/2014 09/03/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/03/2023	
407	MN Tân Dương	10	Hoàng Thị Nhung	12/05/1986	GV	CĐMN ĐH SPMN	26/11/2014 23/08/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/05/2023	
408	MN Tân Dương	11	Nguyễn Thị Quỳnh	07/07/1991	GV	ĐH SPMN	02/04/2014	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/02/2023	
409	MN Thiên Hương	1	Lã Thị Thu Hường	25/04/1986	GV	CĐSPMN ĐH SPMN	30/06/2007 18/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,34	01/11/2023	01/01/2023	
410	MN Thiên Hương	2	Nguyễn Thị Liễu	07/08/1982	GV	CĐSPMN ĐH SPMN	10/08/2004 18/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,34	01/11/2023	01/07/2022	
411	MN Thiên Hương	3	Lã Thị Thu Huyền	20/09/1988	GV	TCSPMN ĐH SPMN	01/08/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/02/2022	
412	MN Thiên Hương	4	Vũ Thị Huyền	09/06/1982	GV	TCSPMN ĐH SP MN	22/10/2002 16/03/2009	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/07/2023	
413	MN Thiên Hương	5	Bùi Thị Hằng	02/02/1992	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	
414	MN Thiên Hương	6	Vũ Thị Thu Hà	22/01/1983	GV	TCSPMN ĐHSPMN	01/07/2011 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03		01/11/2023	01/01/2022	
415	MN Thiên Hương	7	Phạm Hoài Thương	04/03/1994	GV	ĐHSPMN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,59	01/11/2023	01/05/2022	
416	MN Thiên Hương	8	Phạm Thị Thơm	17/04/1994	GV	TCSPMN ĐHSPMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
417	MN Thiên Hương	9	Phạm Thị Huệ	27/02/1991	GV	TCSPMN ĐH SPMN	20/10/2014 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2023	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
418	MN Thiên Hương	10	Nguyễn Thị Hương Giang	08/11/1985	GV	TCSPMN ĐH SPMN	30/08/2007 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/02/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65		01/11/2023	01/08/2023	
419	MN Thủy Đường	1	Nguyễn Thị Kim Liên	09/10/1971	GV	ĐH SP MN TC SP MN	28/2/2012 20/7/2005	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,34	01/11/2023	01/01/2022	
420	MN Thủy Đường	2	Đồng Thị Hà	05/09/1979	GV	ĐH SP MN TC SP MN	16/3/2009 15/6/1999	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
421	MN Thủy Đường	3	Hoàng Thị Lan	18/06/1979	GV	ĐH SP MN TC SP MN	29/3/2010 26/6/2000	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/02/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
422	MN Thủy Đường	4	Vũ Thị Liên	05/06/1980	GV	ĐH SP MN TC SP MN	8/8/2012 20/7/2005	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/08/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/01/2022	
423	MN Thủy Đường	5	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	04/01/1982	GV	ĐH SP MN TC SP MN	16/3/2009 22/10/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/11/2023	
424	MN Thủy Đường	6	Bùi Thị Dinh	23/07/1985	GV	ĐH SP MN TC SP MN	15/7/2013 27/8/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
425	MN Thủy Đường	7	Nguyễn Thị Huyền	28/02/1982	GV	ĐH SP MN TC SP MN	15/7/2013 27/8/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
426	MN Thủy Đường	8	Bùi Thị Mừng	29/01/1992	GV	ĐH SP MN TC SP MN	9/3/2017 9/2/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/08/2023	
427	MN Thủy Đường	9	Nguyễn Thị Hồng	15/07/1991	GV	ĐH SP MN TC SP MN	25/7/2016 23/7/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/07/2022	
428	MN Thủy Đường	10	Trần Thị Mai Dung	07/10/1991	GV	ĐH SP MN TC SP MN	9/3/2017 25/4/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
429	MN Thủy Đường	11	Trần Thu Hà	10/05/1994	GV	ĐH SP MN	25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2023	
430	MN Thủy Sơn	1	Lê Thị Bích Hường	29/11/1970	GV	TCSPMN ĐHSPMN	13/01/1999 28/02/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
431	MN Thủy Sơn	2	Lê Thị Mùi	27/06/1979	GV	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2000 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,38	01/11/2023	01/11/2023	
432	MN Thủy Sơn	3	Lê Thị Dung	20/12/1983	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 08/08/2012	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
433	MN Thủy Sơn	4	Nguyễn Thu Bắc	03/02/1982	GV	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
434	MN Thủy Sơn	5	Lê Thị Thuý	21/12/1994	GV	TCSPMN ĐHSPMN	09/02/2015 09/03/2017	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/09/2023	
435	MN Thủy Sơn	6	Đào Thị Lương	10/05/1985	GV	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2005 24/01/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/07/2022	
436	MN Thủy Sơn	7	Phùng Thị Duyên	03/08/1994	GV	CĐSPMN ĐHSPMN	25/07/2016 23/07/2018	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/07/2023	
437	MN Thủy Sơn	8	Lê Thị Thu Huyền	14/02/1991	GV	TCSPMN ĐHSPMN	20/10/2014 07/01/2019	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/07/2023	
438	MN Thủy Triều	1	Trần Thị Hoan	28/10/1979	GV	ĐHSPMN TCSPMN	01/06/2012 16/06/2001	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
439	MN Thủy Triều	2	Trần Thị Út	08/10/1982	GV	ĐHSPMN TCSPMN	01/06/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
440	MN Thủy Triều	3	Nguyễn Thị Liên	28/10/1983	GV	ĐHSPMN TCSPMN	01/06/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
441	MN Thủy Triều	4	Nguyễn Thị Đông	20/07/1974	GV	ĐHSPMN TCSPMN	01/06/2012 03/09/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,03	01/11/2023	01/03/2023	
442	MN Thủy Triều	5	Lê Thị Huyền	09/02/1983	GV	ĐHSPMN TCSPMN	01/06/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	
443	MN Thủy Triều	6	Lê Thị Diu	05/08/1984	GV	ĐHSPMN TCSPMN	01/06/2012 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,32	01/11/2023	01/02/2022	

TT huyện	Trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
444	MN Thủy Triều	7	Nguyễn Thị Vân Chi	18/10/1985	GV	ĐHSPMN TCSPMN	24/01/2011 30/08/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/05/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,01	01/11/2023	01/05/2023	
445	MN Thủy Triều	8	Trần Thị Hạnh	21/04/1987	GV	ĐHSPMN TCSPMN	15/07/2013 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
446	MN Thủy Triều	9	Nguyễn Thu Trang	09/08/1983	GV	ĐHSPMN TCSPMN	26/03/2015 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/08/2023	
447	MN Thủy Triều	10	Trần Thị Ái	09/01/1987	GV	ĐHSPMN TCSPMN	09/03/2017 25/04/2014	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/10/2022	
448	MN Thủy Triều	11	Bùi Thị Chiêm	02/04/1989	GV	ĐHSPMN TCSPMN	25/07/2016 23/07/2013	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/02/2023	
449	MN Thủy Triều	12	Đặng Thị Ngoan	11/12/1985	GV	ĐHSPMN TCSPMN	09/03/2017 09/02/2015	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/11/2022	
450	MN Thủy Triều	13	Trịnh Thị Hải Yến	23/07/1988	GV	ĐHSPMN TCSPMN	30/05/2014 27/08/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
451	MN Thủy Triều	14	Lê Thị Thúy	19/05/1985	GV	ĐHSPMN TCSPMN	25/07/2016 10/09/2013	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,26	01/11/2023	01/12/2021	
452	MN Thủy Triều	15	Nguyễn Thị Đàm Dung	10/11/1995	GV	ĐHSPMN	19/07/2017	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0,57	01/11/2023	01/03/2022	
453	MN Thủy Triều	16	Đỗ Thị Thu Thủy	04/09/1991	GV	ĐHSPMN TCSPMN	25/07/2016 10/09/2013	10/03/2021	GVMN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72		01/11/2023	01/11/2023	
454	MN Trung Hà	1	Nguyễn Thị Phượng	12/10/1984	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 30/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	1/2/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/08/2023	
455	MN Trung Hà	2	Nguyễn Thị Liên	06/01/1986	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 26/03/2015	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
456	MN Trung Hà	3	Nguyễn Thị Trà My	17/09/1983	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 30/5/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/8/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	
457	MN Trung Hà	4	Ngô Thị Trang	07/11/1988	GV	TCSP MN ĐHSP MN	22/03/2013 25/07/2016	24/11/2017	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,28	01/11/2023	01/04/2022	
458	MN Trung Hà	5	Bùi Thị Huận	11/09/1987	GV	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34		01/11/2023	01/11/2023	

Tổng cộng: 458 người

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN

DANH SÁCH

Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên

(Kèm theo Thông báo số: 417/TB-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên)

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
1	MN An Lư	1	Vũ Thị Kim Nhung	23/07/1991	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,31	01/11/2023	01/05/2022	
2	MN An Lư	2	Nguyễn Thị Hạnh	25/01/1977	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
3	MN An Lư	3	Trần Thị Thảo	27/03/1992	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	23/08/2016 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
4	MN An Sơn	1	Ngô Thị Thuận	29/09/1972	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN TCSPMN	20/08/2014 07/12/2011 03/09/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/03/2023	
5	MN An Sơn	2	Trần Lệ Thủy	18/11/1979	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN TCSPMN	20/08/2014 07/12/2011 17/06/2003	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/03/2023	
6	MN An Sơn	3	Bùi Thúy Lệ	10/12/1972	Giáo viên	CĐSPMN TCSPMN	07/12/2011 '03/09/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/03/2023	
7	MN An Sơn	4	Nguyễn Thị Công	30/04/1992	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	23/12/2019 15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
8	MN An Sơn	5	Trần Thị Hoa	28/02/1994	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	10/10/2022 03/09/2015	30/01/2019	GVMN hạng III	V.07.02.05	2	2,41	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0	01/11/2023	01/08/2023	
9	MN Cao Nhân	1	Hồ Thị Thắm	07/07/1974	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	03/09/2002 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96		01/11/2023	01/03/2023	
10	MN Cao Nhân	2	Hoàng Thị Hoa	08/02/1991	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/10/2023	
11	MN Cao Nhân	3	Đỗ Thị Hường	16/01/1990	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
12	MN Chính Mỹ	1	Bùi Thị Loan	17/05/1989	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	10/10/2022 15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/01/2023	
13	MN Chính Mỹ	2	Trần Thị Thu Hiền	16/10/1982	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	07/06/2017 14/05/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2022	
14	MN Đông Sơn	1	Bùi Thị Ngân	26/01/1972	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	03/09/2002 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/03/2023	
15	MN Đông Sơn	2	Lê Thị Thuý	01/07/1968	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	12/01/1999 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
16	MN Đông Sơn	3	Tạ Thị Thủy	27/01/1989	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
17	MN Đông Sơn	4	Bùi Thị Phương	05/09/1990	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
18	MN Đông Sơn	5	Đoàn Thúy Vân	22/3/1992	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/11/2023	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
19	MN Đông Sơn	6	Vũ Thị Thơm	01/06/1989	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
20	MN Đông Sơn	7	Phạm Thị Ánh Nguyệt	14/3/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 10/10/2022	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
21	MN Đông Sơn	8	Vũ Hà Ngân	09/10/1997	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	23/07/2018 23/12/2019	30/01/2019	GVMN hạng III	V.07.02.05	2	2,41	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0	01/11/2023	01/08/2023	
22	MN Dương Quan	1	Đặng Thị Bích Hằng	02/01/1977	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	07/06/2017 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
23	MN Dương Quan	2	Bùi Thị Thu Huyền	04/11/1979	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	07/06/2017 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
24	MN Dương Quan	3	Bùi Thị Liên	12/11/1976	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
25	MN Dương Quan	4	Nguyễn Thị Vân	11/01/1988	Giáo viên	CĐ SPMN	14/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
26	MN Dương Quan	5	Nguyễn Thị Thu Trang	07/03/1990	Giáo viên	CĐ SPMN	18/11/2013	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
27	MN Dương Quan	6	Đinh Thị Hoa Phượng	30/08/1977	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
28	MN Dương Quan	7	Lê Thị Thu Hương	23/08/1978	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
29	MN Gia Đức	1	Đỗ Thị Hường	8/2/1981	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	20/7/2005; 7/12/2011; 7/8/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/01/2022	
30	MN Gia Đức	2	Nguyễn Thị Hiền	31/10/1975	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	20/7/2005; 7/12/2011; 20/8/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/01/2022	
31	MN Gia Đức	3	Lê Thị Phương	4/11/1981	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	20/7/2005; 7/12/2011; 20/8/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/08/2023	
32	MN Gia Đức	4	Vũ Thị Phượng	6/10/1992	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/2/2014; 07/06/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/04/2022	
33	MN Gia Đức	5	Vũ Thị Bích	26/7/1988	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/2/2014; 07/06/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/08/2022	
34	MN Gia Đức	6	Vũ Thị Thúy	13/12/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/2/2014; 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
35	MN Gia Minh	1	Nguyễn Thị Năm	11/3/1975	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	20/07/2005 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/01/2022	
36	MN Gia Minh	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	30/9/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
37	MN Gia Minh	3	Vũ Thị Nhàn	08/12/1980	Giáo viên	CĐ SPMN	28/2/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
38	MN Gia Minh	4	Đào Thị Thúy Hằng	19/10/1985	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
39	MN Gia Minh	5	Hoàng Thị Thắm	09/07/1990	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	15/07/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/04/2022	
40	MN Gia Minh	6	Phạm Thị Hồng Bích	27/3/1976	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
41	MN Gia Minh	7	Vũ Thị Mận	31/5/1993	Giáo viên	CĐSPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
42	MN Gia Minh	8	Hoàng Thị Mai Thanh	25/5/1994	Giáo viên	CĐSPMN	12/11/2015	30/01/2019	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
43	MN Gia Minh	9	Nguyễn Thị Hà	07/07/1994	Giáo viên	CĐSPMN	12/11/2015	10/3/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	1	2,1	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0	01/11/2023	01/10/2023	
44	MN Hoà Bình	1	Lê Thị Lam	01/09/1982	Giáo viên	CĐ SP MN ĐHSPMN	28/05/2005 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
45	MN Hoà Bình	2	Nguyễn Thuỳ Ly	07/02/1993	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
46	MN Hoà Bình	3	Đàm Thị Thoa	31/10/1994	Giáo viên	CĐ SPMN	15/02/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
47	MN Hoa Động	1	Bùi Thị Thanh Thảo	29/07/1997	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	23/07/2018 10/10/2022	30/01/2019	GVMN hạng III	V.07.02.05	2	2,41	01/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0	01/11/2023	01/08/2023	
48	MN Hoa Động	2	Phạm Thị Khánh	18/01/1983	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	22/06/2004 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
49	MN Hoa Động	3	Lê Thị Ngọc	10/11/1981	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
50	MN Hoa Động	4	Hà Thị Hằng	08/01/1987	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
51	MN Hoa Động	5	Đoàn Thị Tâm	14/12/1991	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
52	MN Hoa Động	6	Đỗ Phương Thảo	22/10/1994	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	23/06/2015 09/08/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
53	MN Hoa Động	7	Phạm Thị Thương	13/09/1988	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
54	MN Hoa Động	8	Nguyễn Phương Giang	19/10/1987	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
55	MN Hoàng Động	1	Phạm Thị Hải Yến	29/10/1981	Giáo viên	TCGDMN CĐGDMN	05/08/2005 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
56	MN Hoàng Động	2	Phạm Thị Thanh	09/05/1987	Giáo viên	CĐ GDMN ĐHGDMN	14/5/2014 07/06/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/07/2023	
57	MN Hoàng Động	3	Nguyễn Thị Nhung	25/10/1991	Giáo viên	CĐGDMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
58	MN Hoàng Động	4	Hà Thị Hòa	06/08/1992	Giáo viên	CĐ GDMN ĐHGDMN	15/07/2014 07/06/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/01/2023	
59	MN Hoàng Động	5	Hà Thị Thuận	18/06/1994	Giáo viên	CĐGDMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
60	MN Hoàng Động	6	Vũ Thị Nhật Ninh	02/11/1995	Giáo viên	CĐGDMN	15/02/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,31	01/11/2023	01/12/2021	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
61	MN Hợp Thành	1	Bùi Thị Tươi	27/09/1970	Giáo viên	CĐ GDMN TC THMN	07/12/2011 12/01/1999	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
62	MN Hợp Thành	2	Trịnh Thị Tuyên	27/06/1987	Giáo viên	ĐH GDMN CĐ GDMN	23/08/2016 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
63	MN Hợp Thành	3	Bùi Thị Huyên	01/06/1984	Giáo viên	ĐH GDMN CĐ GDMN	23/08/2016 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
64	MN Hợp Thành	4	Bùi Thị Thúy Hường	17/02/1992	Giáo viên	ĐH GDMN CĐ GDMN	23/08/2016 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
65	MN Hợp Thành	5	Hoàng Thị Nhinh	13/03/1970	Giáo viên	CĐ GDMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
66	MN Hợp Thành	6	Mạc Thị Thắm	03/09/1987	Giáo viên	ĐH GDMN CĐ GDMN	23/08/2016 15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
67	MN Hợp Thành	7	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/01/1976	Giáo viên	CĐ GDMN	28/02/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,31	01/11/2023	01/05/2022	
68	MN Kênh Giang	1	Đinh Thị Thu	10/10/1982	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
69	MN Kênh Giang	2	Cù Thị Oanh	28/11/1996	Giáo viên	CĐ SPMN	26/06/2017	10/03/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	2	2,41	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0,31	01/11/2023	01/06/2022	
70	MN Kiền Bái	1	Phạm Thị Ngọc	11/09/1993	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	12/11/2018 01/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/12/2022	
71	MN Kiền Bái	2	Lã Thị Dung	04/04/1993	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	10/10/2022 26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
72	MN Kiền Bái	3	Trần Ngọc Hà	10/11/1998	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	10/10/2022 15/07/2019	10/03/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	1	2,1	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0	01/11/2023	01/10/2023	
73	MN Kiền Bái	4	Doãn Thị Hoài	18/05/1968	Giáo viên	CĐ SPMN TC SPMN	07/12/2011 20/07/2005	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/01/2022	
74	MN Kiền Bái	5	Nguyễn Thị Thơm	07/09/1991	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	12/11/2018 26/06/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/06/2023	
75	MN Kiền Bái	6	Hoàng Thị Huyền Trang	27/11/1994	Giáo viên	CĐ SPMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	2	2,41	01/11/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0	01/11/2023	01/11/2022	
76	MN Kiền Bái	7	Đỗ Thị Thanh Vân	04/09/1985	Giáo viên	CĐ SPMN	14/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
77	MN Kiền Bái	8	Phạm Thị Xuyên	21/07/1974	Giáo viên	CĐ SPMN TC SPMN	07/12/2011 20/07/2005	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/01/2022	
78	MN Kỳ Sơn	1	Đỗ Thị Nhung	04/04/1989	Giáo viên	CĐ-ĐH SP Mầm non	14/6/2011 07/01/2019	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/02/2022	
79	MN Lại Xuân	1	Lê Thị Tuyết	04/06/1995	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	25/7/2016 23/12/2019	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
80	MN Lại Xuân	2	Nguyễn Thị Thu Thủy	16/10/1992	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	26/6/2014 09/8/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/04/2023	
81	MN Lại Xuân	3	Đào Thị Thanh Lụa	29/12/1982	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	26/11/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
82	MN Lại Xuân	4	Phạm Thị Liên	14/04/1989	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	28/2/2014 07/6/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
83	MN Lại Xuân	5	Bùi Thị Ngọc Quỳnh	06/10/1992	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	28/2/2014 07/6/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
84	MN Lại Xuân	6	Vũ Thị Lưu	13/9/1988	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	28/2/2014 07/6/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
85	MN Lại Xuân	7	Đinh Thị Hoa	30/10/1993	Giáo viên	CĐSPMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
86	MN Lâm Động	1	Đinh Thị Kim Thoa	25/09/1980	Giáo viên	CĐ GDMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
87	MN Lâm Động	2	Nguyễn Thị Nhung	20/08/1993	Giáo viên	CĐ GDMN	01/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/10/2022	
88	MN Lâm Động	3	Nguyễn Thị Thu Trang	23/09/1986	Giáo viên	CĐ GDMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
89	MN Lập Lễ	1	Vũ Thị Thúy	27/04/1989	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
90	MN Lập Lễ	2	Đinh Thị Cậy	15/05/1989	Giáo viên	CĐ SPMN	14/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
91	MN Liên Khê	1	Nguyễn Thị Vi	06/03/1985	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	30/08/2007 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
92	MN Liên Khê	2	Nguyễn Thị Xinh	13/05/1968	Giáo viên	SC MN TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	04/10/1990 04/05/1999 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
93	MN Liên Khê	3	Lê Thị Thanh	31/07/1969	Giáo viên	SC MN TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	10/04/1991 04/05/1999 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
94	MN Liên Khê	4	Nguyễn Thị Quyên	06/02/1978	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	15/06/1999 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	8	4,27	01/02/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0	01/11/2023	01/11/2023	
95	MN Liên Khê	5	Ngô Thị Dinh	21/02/1977	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
96	MN Liên Khê	6	Hoàng Thị Thái	14/02/1983	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/11/2023	
97	MN Liên Khê	7	Hoàng Thị Vân Anh	23/03/1984	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/11/2023	
98	MN Liên Khê	8	Đỗ Thị Thùy Linh	30/03/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
99	MN Liên Khê	9	Hoàng Thị Tâm	07/06/1988	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/12/2019	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
100	MN Liên Khê	10	Nguyễn Thị Ngọc Bích	14/09/1990	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/12/2019	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/11/2023	
101	MN Liên Khê	11	Nguyễn Thị Ngát	06/12/1992	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
102	MN Liên Khê	12	Lê Thị Phương	26/12/1986	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
103	MN Liên Khê	13	Nguyễn Thị Thủy	14/02/1984	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
104	MN Liên Khê	14	Vũ Thị Huệ	09/12/1993	Giáo viên	CĐ SPMN	28/05/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/03/2023	
105	MN Liên Khê	15	Đồng Thị Lan Hương	05/10/1994	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	06/11/2015 09/10/2023	30/01/2019	GVMN hạng III	V.07.02.05	2	2,41	01/07/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72		01/11/2023	01/11/2023	
106	MN Liên Khê	16	Hà Thị Huế	08/02/1997	Giáo viên	CĐ SPMN	20/06/2019	10/03/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	1	2,1	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0	01/11/2023	01/11/2023	
107	MN Lưu Kiếm	1	Đặng Thị Phượng	17/5/1969	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	4/5 /1999 7/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	1/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
108	MN Lưu Kiếm	2	Phạm Thị Thi	18/9/1980	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	20/7/2005 7/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	1/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/01/2022	
109	MN Lưu Kiếm	3	Vũ Thị Phượng	13/12/1980	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	20/7/2005 7/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	1/6/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
110	MN Lưu Kiếm	4	Dương Thị Hường	10/12/1985	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	30/8/2007 07/12/2011 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	1/9/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
111	MN Lưu Kiếm	5	Hoàng Thị Hợi	5/8/1985	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	30/8/2007 07/12/2011 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0	01/11/2023	01/08/2023	
112	MN Lưu Kiếm	6	Đào Thị Tuyết	13/6/1970	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	26/6/2000 7/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	8	4,27	1/7/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0	01/11/2023	01/11/2023	
113	MN Lưu Kiếm	7	Nguyễn Thị Huyền	10/5/1984	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	30/8/2007 7/12/2011 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	1/9/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
114	MN Lưu Kiếm	8	Nguyễn Thị Sơn	1/4/1986	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/2/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
115	MN Lưu Kiếm	9	Lê Thị Tuyết	11/8/1988	Giáo viên	CĐ SPMN	28/2/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
116	MN Lưu Kiếm	10	Lê Thị Hoài Thu	12/05/1989	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/2/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
117	MN Lưu Kiếm	11	Vũ Thị Phúc	21/12/1990	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/2/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	1/3/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
118	MN Lưu Kiếm	12	Lê Thị Lý	10/2/1987	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/2/2014 23/8/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	1/6/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/11/2023	
119	MN Lưu Kiếm	13	Nguyễn Thị Hảo	27/12/1979	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 23/8/ 2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	1/6/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	1/11/2022	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
120	MN Lưu Kiếm	14	Nguyễn Thị Huấn	13/8/1979	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	1/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
121	MN Lưu Kiếm	15	Vũ Trâm Anh	15/11/1993	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/6/2014 07/6/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	1/7/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
122	MN Lưu Kiếm	16	Đặng Thị Thanh Nhàn	11/11/1994	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	23/6/2015 09/10/2023	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	1/7/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
123	MN Lưu Kiếm	17	Vũ Thị Hằng	20/8/1988	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 09/10/2023	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	1/11/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
124	MN Lưu Kiếm	18	Lê Thị Phương	14/6/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	15/7/2014 12/7/2022	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/01/2023	
125	MN Lưu Kỳ	1	Phạm Thị Tho	31/12/1982	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 '09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
126	MN Lưu Kỳ	2	Lê Thị Loan	29/12/1993	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	15/07/2014 09/10/2023	30/01/2019	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
127	MN Lưu Kỳ	3	Phạm Thị Nguyên	17/11/1990	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
128	MN Minh Đức	1	Ngô Thị Thảo	10/04/1980	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
129	MN Minh Đức	2	Vũ Thị Liên	06/04/1992	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 23/12/2019	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
130	MN Minh Đức	3	Lê Thị Ngọc	12/04/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
131	MN Minh Đức	4	Đồng Thị Hải	11/12/1981	Giáo viên TT 5T	CĐ SPMN ĐH SPMN	01/12/2003 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/10/2023	
132	MN Minh Đức	5	Trần Thị Thuỷ	11/03/1982	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	10/8/2004 15/7/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/04/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
133	MN Minh Đức	6	Vũ Thị Thu Hằng	02/08/1982	Giáo viên TP 4T	CĐ SPMN ĐH SPMN	01/7/2005 20/8/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/10/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0	01/11/2023	01/04/2022	
134	MN Minh Đức	7	Nông Thị Sen	02/12/1989	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	01/8/2016 23/12/2019	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
135	MN Minh Đức	8	Phạm Thị Hồng Lê	27/04/1983	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/12/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
136	MN Minh Tân	1	Nguyễn Thị Ái	24/08/1970	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	04/05/1999 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
137	MN Minh Tân	2	Đinh Thị Phương	13/10/1968	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN	12/01/1999 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
138	MN Minh Tân	3	Nguyễn Thị Thùy Linh	30/11/1982	Giáo viên	CĐSPMN	06/07/2009	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3,34	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0	01/11/2023	01/11/2023	
139	MN Minh Tân	4	Đinh Thị Thu	11/11/1991	Giáo viên	CĐSPMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
140	MN Minh Tân	5	Vũ Hải Yến	20/08/1990	Giáo viên	CĐSPMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
141	MN Minh Tân	6	Hoàng Thị Dung	30/11/1986	Giáo viên	CĐSPMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
142	MN Minh Tân	7	Vũ Thị Hiền	10/03/1974	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN ĐHSPMN	20/06/1995 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	9	4,58	0	01/11/2023	01/11/2023	
143	MN Minh Tân	8	Vũ Thị Hậu	14/08/1975	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN ĐHSPMN	20/06/1998 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/02/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
144	MN Minh Tân	9	Đỗ Thị Hoa	12/01/1981	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0	01/11/2023	01/08/2023	
145	MN Minh Tân	10	Vũ Thị Tuyết	14/09/1987	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
146	MN Minh Tân	11	Vũ Thị Ninh	21/09/1992	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
147	MN Minh Tân	12	Vũ Thị Viên	22/10/1984	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	15/07/2014 12/07/2022	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
148	MN Minh Tân	13	Đàm Thị Tuyết	19/03/1991	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	12/11/2015 12/07/2022	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
149	MN Minh Tân	14	Vũ Thị Hoa	29/05/1995	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	25/07/2016 12/11/2018	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/11/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
150	MN Minh Tân	15	Đỗ Thị Bé	28/02/1989	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	15/07/2014 12/07/2022	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/01/2023	
151	MN Minh Tân	16	Nguyễn Thị Yến	23/03/1988	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	15/07/2014 12/07/2022	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/01/2023	
152	MN Minh Tân	17	Nguyễn Thị Hằng	24/09/1990	Giáo viên	CĐSPMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
153	MN Mỹ Đồng	1	Nguyễn Thị Hồng Hoa	13/08/1983	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	01/08/2006 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0	01/11/2023	01/10/2022	
154	MN Mỹ Đồng	2	Trần Thị Hoa	01/09/1994	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	25/07/2016 09/10/2023	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
155	MN Ngũ Lão	1	Nguyễn Thị Hòa	15/10/1970	Giáo viên	TCSPMN CĐ SPMN	08/10/1996 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	9	4,58	0	01/11/2023	01/11/2023	
156	MN Ngũ Lão	2	Nguyễn Thị Dung	12/06/1978	Giáo viên	TCSPMN CĐ SPMN	30/08/2007 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
157	MN Ngũ Lão	3	Bùi Thị Dung	28/08/1985	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/11/2022	
158	MN Ngũ Lão	4	Nguyễn Thị Mùi	10/04/1990	Giáo viên	CĐMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
159	MN Ngũ Lão	5	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/01/1990	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
160	MN Ngũ Lão	6	Trần Thanh Hảo	24/11/1983	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
161	MN Ngũ Lão	7	Phạm Thị Kim Oanh	19/11/1979	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	30/08/2007 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/09/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
162	MN Ngũ Lão	8	Phạm Thị Hiên	01/09/1984	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/07/2022	
163	MN Ngũ Lão	9	Nguyễn Thị Thu Hòa	22/05/1988	Giáo viên	CĐ SPMN	14/05/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2022	
164	MN Ngũ Lão	10	Đỗ Thị Nhinh	26/05/1992	Giáo viên	CĐ SPMN	15/7/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/06/2023	
165	MN Ngũ Lão	11	Phùng Thị Lan Anh	03/06/1998	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2019	10/03/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	1	2,1	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0	01/11/2023	01/10/2023	
166	MN Ngũ Lão	12	Bùi Thị Minh Nguyệt	25/05/1991	Giáo viên	CĐ SPMN	02/07/2012	10/03/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
167	MN Phả Lễ	1	Nguyễn Thị Huệ	21/01/1982	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
168	MN Phả Lễ	2	Nguyễn Thị Hương Nhu	20/06/1985	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
169	MN Phả Lễ	3	Hoàng Thị Phượng	14/04/1981	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	10/08/2004 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/10/2023	
170	MN Phả Lễ	4	Nguyễn Thị Hương	12/07/1987	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/09/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
171	MN Phả Lễ	5	Trần Thị Thu	02/10/1988	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
172	MN Phù Ninh	1	Vũ Thị Uyên	06/06/1987	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/01/2023	
173	MN Phù Ninh	2	Trần Thị Thanh Tùng	20/10/1987	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	25/06/2008 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3,34	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0	01/11/2023	01/10/2023	
174	MN Phù Ninh	3	Trần Thị Hảo	30/07/1979	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
175	MN Phù Ninh	4	Nguyễn Thị Thu Huế	17/11/1983	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
176	MN Phù Ninh	5	Phạm Thị Thanh Huyền	05/05/1989	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
177	MN Phù Ninh	6	Phan Thị Lan Hương	05/06/1992	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
178	MN Phù Ninh	7	Lê Thị Trang	19/12/1992	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
179	MN Phục Lễ	1	Nguyễn Thị Huế	04/12/1982	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/11/2023	
180	MN Phục Lễ	2	Bùi Thị Na	21/11/1982	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
181	MN Phục Lễ	3	Nguyễn Thị Huyên	20/08/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 09/10/2023	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
182	MN Phục Lễ	4	Nguyễn Thị Thương	28/09/1973	Giáo viên	CĐ SPMN	26/11/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
183	MN Phục Lễ	5	Phạm Thị Hồng Lê	22/11/1984	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 09/10/2023	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/10/2022	
184	MN Phục Lễ	6	Phạm Thị Thu Phương	31/12/1985	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/12/2019	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
185	MN Quảng Thanh	1	Vũ Thị Lan	25/09/1984	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	26/03/2015 18/01/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3,34	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0	01/11/2023	01/11/2023	
186	MN Quảng Thanh	2	Mạc Thị Thanh	10/10/1985	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	20/08/2014 18/01/2007	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,31	01/11/2023	01/04/2022	
187	MN Quảng Thanh	3	Nguyễn Thị Vân	03/12/1994	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	10/10/2022 12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,31	01/11/2023	01/05/2022	
188	MN Quảng Thanh	4	Trần Thị Thìn	05/01/1988	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	10/03/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	1	2,1	01/01/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0	01/11/2023	01/10/2023	
189	MN Sao Mai	1	Lê Thị Thanh Thủy	15/01/1979	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	01/12/2003 28/11/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/12/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
190	MN Sao Mai	2	Nguyễn Thị Hoa	29/10/1995	Giáo viên	CĐ SP MN ĐHGDMN	10/06/2016 10/10/2022	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
191	MN Sao Mai	3	Nguyễn Thùy Nhung	05/10/1991	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
192	MN Sao Mai	4	Lại Thị Thảo Hà	12/06/1994	Giáo viên	CĐ SP MN ĐHGDMN	14/06/2016 23/12/2019	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/08/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
193	MN Tam Hưng	1	Lại Ngọc Hường	06/07/1987	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	12/11/2015 23/12/2019	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
194	MN Tam Hưng	2	Lại Thị Hoài Nam	01/01/1989	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	26/11/2014 23/12/2019	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
195	MN Tam Hưng	3	Phạm Thị Thủy	18/06/1983	Giáo viên	CĐ SPMN	12/11/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2,41	0,31	01/11/2023	01/05/2022	
196	MN Tân Dương	1	Tô Thị Nu	27/12/1993	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	10/09/2014 24/01/2018	25/1/2016	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
197	MN Tân Dương	2	Bùi Thị Châu	11/06/1989	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	15/07/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/07/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/01/2023	
198	MN Thiên Hương	1	Bùi Thị Huyền	26/08/1988	Giáo viên	CĐSPMN ĐH SP MN	28/02/2014 07/06/2017	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
199	MN Thiên Hương	2	Hoàng Thị Chi	07/08/1977	Giáo viên	TC SPMN CĐSPMN ĐH SPMN	15/06/1999 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	8	4,27	01/03/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4,27	0	01/11/2023	01/11/2023	
200	MN Thiên Hương	3	Nguyễn Thị Yến	02/08/1987	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	14/06/2007 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3,34	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0	01/11/2023	01/11/2023	
201	MN Thiên Hương	4	Nguyễn Thị Vân Anh	18/12/1992	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3,03	0	01/11/2023	01/11/2023	
202	MN Thiên Hương	5	Nguyễn Thị Sim	27/01/1978	Giáo viên	CĐSPMN	14/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/11/2022	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
203	MN Thiên Hương	6	Bùi Thị Hương	01/11/1984	Giáo viên	CĐSPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
204	MN Thiên Hương	7	Bùi Thị Lương	06/03/1969	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN	04/10/1991 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4,58	01/07/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	9	4,58	0	01/11/2023	01/11/2023	
205	MN Thiên Hương	8	Hoàng Thị Hằng	20/12/1986	Giáo viên	CĐSPMN	26/11/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/05/2023	
206	MN Thiên Hương	9	Tô Thị Hương	13/03/1973	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN ĐH SP MN	03/09/2002 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/03/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/09/2022	
207	MN Thiên Hương	10	Lã Thị Thu Huyền	01/09/1983	Giáo viên	CĐSPMN	26/11/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
208	MN Thiên Hương	11	Hoàng Thị Hương	14/11/1982	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN ĐH SP MN	26/08/2002 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
209	MN Thiên Hương	12	Trần Thị Xoan	04/02/1982	Giáo viên	CĐSPMN	14/05/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/05/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/11/2022	
210	MN Thiên Hương	13	Vũ Thị Tuyết	12/11/1980	Giáo viên	TCSPMN CĐSPMN ĐH SP MN	20/07/200507 /12/201120/0 8/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
211	MN Thuỷ Đường	1	Lê Thị Vân	06/07/1989	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/09/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/02/2022	
212	MN Thuỷ Đường	2	Lê Thị Phượng	20/10/1989	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	20/8/2014 28/7/2010	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3,34	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0	01/11/2023	01/11/2023	
213	MN Thuỷ Đường	3	Nguyễn Thị Cúc	30/07/1983	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	9/10/2023 14/5/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/04/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/02/2022	
214	MN Thuỷ Đường	4	Nguyễn Thị Kim Châu	04/07/1992	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	7/6/2017 15/7//2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/03/2023	
215	MN Thuỷ Đường	5	Phạm Thị Thu	28/11/1992	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
216	MN Thuỷ Đường	6	Phạm Thị Minh Hương	05/07/1992	Giáo viên	CĐ SPMN	28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
217	MN Thuỷ Đường	7	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/7/1983	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/04/2022	
218	MN Thuỷ Đường	8	Nguyễn Thị Linh	28/10/1995	Giáo viên	CĐ SPMN	15/02/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/06/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
219	MN Thuỷ Đường	9	Mai Thị Hồng	23/07/1986	Giáo viên	CĐ SPMN	15/07/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/01/2023	
220	MN Thuỷ Đường	10	Nguyễn Thị Thảo	09/09/1987	Giáo viên	ĐH SPMN CĐ SPMN	9/10/2023 26/11/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/05/2023	
221	MN Thuỷ Sơn	1	Nguyễn Thị Kim Thảo	01/04/1990	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	28/02/2014 23/08/2016	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
222	MN Thuỷ Sơn	2	Nguyễn Thị Hải	27/04/1990	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	26/06/2017 23/12/2019	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/10/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
223	MN Thuỷ Sơn	3	Trần Thị Kim Thi	11/12/1987	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	14/08/2014 09/10/2023	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	

STT tổng	Tên trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
224	MN Thuỷ Sơn	4	Đào Thị Phương Loan	25/04/1980	Giáo viên	CĐSPMN ĐHSPMN	07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/06/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3,34	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
225	MN Thuỷ Triều	1	Nguyễn Thị Nhân	23/02/1979	Giáo viên	CĐSPMN	01/12/2003	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
226	MN Thuỷ Triều	2	Vũ Thị Lành	23/08/1980	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	07/06/2017 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
227	MN Thuỷ Triều	3	Đồng Thị Anh	02/05/1988	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	07/06/2017 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/09/2022	
228	MN Thuỷ Triều	4	Trần Thị Huyên	05/05/1992	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	07/06/2017 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
229	MN Thuỷ Triều	5	Hoàng Thị Thúy	17/01/1980	Giáo viên	CĐSPMN	22/10/2002	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	8	4,27	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0,31	01/11/2023	01/11/2023	
230	MN Thuỷ Triều	6	Trần Thị Giang Linh	06/01/1994	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	10/10/2022 15/02/2017	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/10/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
231	MN Thuỷ Triều	7	Đỗ Thị Thu Hà	09/01/1994	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	10/10/2022 23/06/2015	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/08/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
232	MN Thuỷ Triều	8	Vũ Thị Hảo	12/03/1991	Giáo viên	ĐHSPMN CĐSPMN	23/08/2016 28/02/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3,03	01/03/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0,31	01/11/2023	01/08/2022	
233	MN Thuỷ Triều	9	Trần Thị Vui	18/02/1995	Giáo viên	CĐSPMN	25/07/2016	10/03/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	2	2,41	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0,31	01/11/2023	01/02/2023	
234	MN Trung Hà	1	Trịnh Thị Dung	17/12/1978	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN	20/07/2005 07/12/2011	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	1/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3,65	0,31	01/11/2023	01/01/2022	
235	MN Trung Hà	2	Vũ Thị Xuân Nguyên	08/12/1982	Giáo viên	TC SPMN CĐ SPMN ĐH SPMN	20/07/2005 07/12/2011 20/08/2014	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	1/6/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3,96	0	01/11/2023	01/11/2023	
236	MN Trung Hà	3	Lê Thị Thu Lan	05/11/1994	Giáo viên	CĐ SPMN ĐH SPMN	25/10/2016 19/04/2021	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/04/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
237	MN Trung Hà	4	Bùi Thị Yến	10/09/1981	Giáo viên	CĐ SPMN	15/7/2014	24/11/2017	GVMN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/05/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	0	01/11/2023	01/11/2023	
238	MN Trung Hà	5	Phạm Thị Huyền	20/07/1996	Giáo viên	CĐ SPMN	12/07/2017	10/3/2021	GVMN hạng III	V.07.02.05	1	2,1	1/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	1	2,1	0	01/11/2023	01/10/2023	

Tổng cộng: 238 người

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN

DANH SÁCH

Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên

(Kèm theo Thông báo số: 4174/TB-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên)

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
1	TH An Lư	1	Đặng Thị Kiều Trang	25/10/1993	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	07/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
2	TH An Lư	2	Lê Thị Hà Phương	17/08/1990	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ Tiếng Anh	17/05/2019 02/04/2013	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	1/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
3	TH An Lư	3	Phạm Thị Hải	28/08/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	18/01/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/04/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/04/2023	
4	TH An Lư	4	Hoàng Thị Thùy Dương	22/06/1983	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	01/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
5	TH An Lư	5	Phan Thị Minh Nguyệt	30/12/1980	Giáo viên	ĐH Tiếng Anh CĐ Tiếng Anh	12/07/2011 22/10/2002	01/12/2015	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/10/2023	
6	TH An Lư	6	Nguyễn Thị Oanh	18/09/1990	Giáo viên	ĐH Tiếng Anh	18/06/2015	01/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
7	TH An Lư	7	Đoàn Thị Hoa	30/10/1989	Giáo viên	ĐH Tiếng Anh	23/06/2011	01/06/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/12/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
8	TH An Sơn	1	Bùi Thị Lan	27/11/1987	Giáo viên	ĐH Ngoại ngữ	30/07/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,33	01/11/2023	01/10/2022	
9	TH An Sơn	2	Hoàng Thiên Vũ	13/09/1992	Giáo viên	ĐH SP Tiếng Anh	26/06/2014	15/06/2018	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67		01/11/2023	01/11/2023	
10	TH An Sơn	3	Ngô Thị Thu Hiền	01/06/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH CĐ Sư phạm GDTH	21/08/2019 14/06/2016	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
11	TH An Sơn	4	Phạm Thị Thùy	04/08/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH	09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
12	TH An Sơn	5	Mạc Thị Phi Yến	17/10/1998	Giáo viên	Thạc sỹ GD học ĐH Giáo dục TH	14/08/2023 23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
13	TH An Sơn	6	Nguyễn Thị Hồng Gấm	16/03/1998	Giáo viên	Thạc sỹ GD học ĐH Giáo dục TH	06/01/2023 23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
14	TH Cao Nhân	1	Hà Thị Thảo	11/07/1991	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/7/2013	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/06/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
15	TH Cao Nhân	2	Vũ Thị Hường	06/08/1993	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/6/2015	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
16	TH Cao Nhân	3	Hoàng Thị Nhuần	09/02/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/7/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/01/2022	
17	TH Cao Nhân	4	Nguyễn Thị Ánh Giang	05/10/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/7/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
18	TH Cao Nhân	5	Bùi Thị Hòa	09/11/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/7/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
19	TH Cao Nhân	6	Lê Thị Thu	26/10/1980	Giáo viên	ĐH SP Âm nhạc	04/1/2007	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33		01/11/2023	01/01/2023	
20	TH Cao Nhân	7	Nguyễn Mạnh Hiệp	22/04/1979	Giáo viên	ĐH Tiếng Anh	03/07/2001	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/04/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
21	TH Chính Mỹ	1	Lê Thị Lan	07/04/1985	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/7/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
22	TH Chính Mỹ	2	Hoàng Thúy Ngân	01/07/1989	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	28/6/2012	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/02/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/02/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
23	TH Chính Mỹ	3	Vũ Thị Thanh Nhàn	03/03/1982	Giáo viên	Đại học SP Tiếng anh, CĐ SP Tiếng Anh	24/9/2010, 01/12/2003	25/5/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/8/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
24	TH Chính Mỹ	4	Bùi Thị Hồng Nhung	27/07/1995	Giáo viên	Thạc sỹ Giáo dục học, ĐH Giáo dục tiểu học	14/8/2023, 19/7/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/8/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/2/2023	
25	TH Chính Mỹ	6	Trương Thị Hồng Ngọc	22/10/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/7/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/2/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/8/2023	
26	TH Chính Mỹ	7	Đặng Văn Ninh	24/03/1992	Giáo viên	Thạc sỹ Giáo dục học, ĐH Giáo dục tiểu học	14/8/2023, 09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/2/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/8/2023	
27	TH Chính Mỹ	8	Trần Thị Ngọc	13/05/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	19/7/2017	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
28	TH Chính Mỹ	9	Đinh Thị Hiền	02/04/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	15/7/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/04/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/10/2023	
29	TH Đông Sơn	1	Trịnh Thị Hương Lan	12/07/1988	Giáo viên	ĐH ngôn ngữ Anh CĐ ngôn ngữ Anh	21/06/2013 20/07/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/10/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/08/2022	
30	TH Đông Sơn	2	Phạm Thị Hồng Nhung	09/01/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học Cử nhân ĐH ngôn ngữ Anh	15/7/2019 05/01/2023	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
31	TH Đông Sơn	3	Bùi Thị Thương Huyền	22/07/1996	Giáo viên	ĐH giáo dục tiểu học	05/09/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
32	TH Đông Sơn	4	Đoàn Cao Thị Mỹ Hà	22/09/1995	Giáo viên	ĐH giáo dục tiểu học - SP Tiếng Anh	19/7/2017	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
33	TH Đông Sơn	5	Trần Thị Thu Phương	31/01/1983	Giáo viên	ĐH giáo dục tiểu học ĐH ngôn ngữ Anh	09/01/2018 06/10/2005	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2022	
34	TH Đông Sơn	6	Vũ Thị Vân Anh	12/02/1992	Giáo viên	Thạc sĩ GD ĐH giáo dục tiểu học ĐH SP Vật lý	06/01/2023 09/01/2018 26/6/2014	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2022	
35	TH Gia Đức	2	Bùi Thị Huyền	04/10/1989	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	18/07/2021	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/08/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/07/2022	
36	TH Gia Đức	3	Bùi Thị Hiền	23/08/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	26/06/2014	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/09/2022	
37	TH Gia Đức	4	Vũ Thị Sao Mai	28/09/1983	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/06/2022	
38	TH Gia Đức	5	Lâm Văn Hưng	29/12/1986	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/05/2014	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
39	TH Gia Đức	6	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/06/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/09/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
40	TH Gia Đức	7	Chu Thị Như Mai	28/04/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
41	TH Gia Minh	1	Đinh Thị Thu Hà	11/01/1988	Giáo viên	ĐH Tiếng anh	08/09/2010	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/04/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/04/2023	
42	TH Gia Minh	2	Trần Thị Bích	08/09/1991	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
43	TH Hoà Bình	1	Hoàng Thị Trang	08/05/1990	Giáo viên	Đại học ngành Giáo dục tiểu học	28/06/2012	23/10/2015	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/12/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
44	TH Hoà Bình	2	Trịnh Thị Hoài Nam	06/10/1986	Giáo viên	Đại học SP chuyên ngành TA	06/07/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/10/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/10/2022	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
45	TH Hoà Bình	3	Nguyễn Thị Tuyên	23/12/1987	Giáo viên	Đại học ngành Giáo dục tiểu học	06/07/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/05/2023	
46	TH Hoà Bình	4	Bùi Thị Hải Yến	22/11/1987	Giáo viên	ĐH Kế toán ĐH GDTH	03/11/2010 09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
47	TH Hoà Bình	5	Phạm Thị Kim Oanh	19/03/1980	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GDTH	08/02/2007 02/07/2001	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,00	01/11/2023	01/05/2023	
48	TH Hoà Bình	6	Đoàn Thị Hường	09/05/1990	Giáo viên	Đại học ngành Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
49	TH Hoà Bình	7	Nguyễn Phú Cường	09/08/1994	Giáo viên	Thạc sĩ GDTH ĐH GDTH	31/12/2021 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
50	TH Hoà Bình	8	Trần Thị Huyền Thơ	21/10/1996	Giáo viên	Thạc sĩ GDTH ĐH GDTH	08/02/2020 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
51	TH Hoà Bình	9	Bùi Thị Vân	18/02/1996	Giáo viên	Thạc sĩ lý luận&PPGD môn T anh	15/11/2023	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
52	TH Hoà Bình	10	Hoàng Thị Phương Anh	01/11/1997	Giáo viên	Thạc sĩ GDTH ĐH GDTH	13/07/2022 15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
53	TH Hoà Bình	11	Vũ Thị Hồng Vân	20/05/1998	Giáo viên	Thạc sĩ GDTH ĐH GDTH	06/01/2023 23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
54	TH Hoà Bình	12	Nguyễn Hoàng Yến	16/12/1997	Giáo viên	Đại học ngành Giáo dục tiểu học	15/07/2019	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
55	TH Hoà Bình	13	Bùi Thị Ngọc Dinh	13/11/1987	Giáo viên	ĐHNN Tiếng anh Thạc sĩ tiếng anh	28/07/2010 07/05/2015	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,66	01/11/2023	01/07/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
56	TH Hoà Bình	14	Nguyễn Thị Tuyết	16/05/1978	Giáo viên	TCSPMN ĐHGDMN ĐHGDTH	06/06/2012 20/06/2016 02/08/2011	01/01/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
57	TH Hoa Động	1	Phạm Thị Hải Lâm	12/04/1981	Giáo viên	CĐ sư phạm tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	22/10/2002 30/10/2007	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.02.29	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
58	TH Hoa Động	2	Phạm Thị Huyền	25/11/1992	Giáo viên	ĐH GD tiểu học	26/06/2014	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.02.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
59	TH Hoa Động	3	Bùi Văn Lợi	09/01/1982	Giáo viên	Cao đẳng Tin học ĐH CNTT	05/10/2004 18/12/2008	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/05/2023	GVTH hạng III	V.07.02.29	6	3,99		01/11/2023	01/04/2023	
60	TH Hoa Động	4	Lê Thị Hạnh	11/10/1981	Giáo viên	ĐH Ngoại ngữ ĐH GD tiểu học	01/10/2004 09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.02.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2022	
61	TH Hoa Động	5	Đào Văn Tập	20/07/1991	Giáo viên	ĐH GD tiểu học TS GD Tiểu học	09/01/2018 14/08/2023	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.02.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
62	TH Hoa Động	6	Nguyễn Thị Hà Vân	26/03/1993	Giáo viên	HĐ SP Hóa học ĐH GD tiểu học TS GD Tiểu học	23/06/2015 03/05/2018 14/08/2023	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.02.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
63	TH Hoa Động	7	Trần Thị Hường	18/09/1990	Giáo viên	ĐH GD tiểu học	19/08/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.02.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
64	TH Hoa Động	8	Vũ Thị Hường	28/12/1993	Giáo viên	ĐH SP ngữ văn ĐH GD tiểu học	23/06/2015 09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.02.29	2	2,67		01/11/2023	01/11/2023	
65	TH Hoa Động	9	Bùi Thị Mai	15/10/1989	Giáo viên	CĐ SP Ngữ văn ĐH GD tiểu học	28/07/2010 21/09/2017	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/03/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/03/2022	
66	TH Hoàng Động	1	Nguyễn Thị Mai Tâm	03/08/1990	Giáo viên	ĐH Ngôn ngữ anh	30/06/2012	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/07/2022	
67	TH Hoàng Động	2	Nguyễn Thị Hân	16/06/1991	Giáo viên	ĐH Ngôn ngữ anh	05/07/2013	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/07/2022	
68	TH Hoàng Động	3	Nguyễn Thu Trang	27/08/1990	Giáo viên	ĐH GDTH ĐH SP Toán	05/07/2017 28/06/2012	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
69	TH Hoàng Động	4	Phạm Thị Duyên	09/10/1987	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	21/02/2014	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/05/2022	
70	TH Hoàng Động	5	Đỗ Phương Thảo	27/02/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
71	TH Hoàng Động	6	Nguyễn Ngọc Trang	18/04/1991	Giáo viên	Thạc sĩ giáo dục học ĐH Giáo dục tiểu học	14/08/2023 09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
72	TH Hoàng Động	7	Nguyễn Thùy Anh	01/07/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	24/10/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
73	TH Hoàng Động	8	Phạm Quỳnh Mai	20/11/1993	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
74	TH Hoàng Động	9	Bùi Thị Minh Thư	02/06/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
75	TH Hợp Thành	1	Đặng Thị Thu Huyền	14/09/1990	Giáo viên	ĐH GD tiểu học	28/08/2012	07/12/2015	Giáo viên TH Hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/07/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/07/2022	
76	TH Hợp Thành	2	Bùi Thị Thu Hà	23/08/1988	Giáo viên	ĐH GD tiểu học	05/07/2017	24/11/2017	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/01/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
77	TH Hợp Thành	3	Hà Thị Thu Hiền	20/01/1990	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ SP văn - CT Đội	05/07/2017 23/06/2011	24/11/2017	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
78	TH Hợp Thành	4	Hoàng Thị Nhung	28/11/1992	Giáo viên	Thạc sỹ GDtiểu học ĐH GD tiểu học	14/08/2023 05/07/2017	24/11/2017	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
79	TH Hợp Thành	5	Hoàng Thị Mai Anh	03/07/1990	Giáo viên	ĐH GD tiểu học ĐHSP vật lý CĐSP vật lý - hóa	09/01/2018 25/05/2015 23/06/2011	30/01/2019	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2022	
80	TH Hợp Thành	6	Bùi Thị Chi	09/01/1996	Giáo viên	Thạc sỹ GDtiểu học ĐH GD tiểu học	14/08/2023 23/07/2018	30/01/2019	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
81	TH Hợp Thành	7	Phạm Thị Vân	04/04/1989	Tổ trưởng	ĐH GD tiểu học ĐHSP văn - địa	09/01/2018 23/06/2011	30/01/2019	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/11/2022	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/05/2022	
82	TH Hợp Thành	8	Mạc Thị Quyên	25/11/1993	Giáo viên	ĐH GD tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
83	TH Hợp Thành	9	Lương Thị Toan	05/05/1992	Giáo viên	ĐH GD tiểu học ĐHSP Toán	09/01/2018 26/06/2014	30/01/2019	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
84	TH Hợp Thành	10	Đỗ Thúy An	11/02/1990	Giáo viên	ĐH GD tiểu học ĐHSP văn - địa	09/01/2018 28/06/2012	31/12/2019	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
85	TH Hợp Thành	11	Bùi Thị Mai Hoa	21/04/1996	Giáo viên	ĐH SP ngoại ngữ	23/07/2018	28/05/2020	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/06/2024	Giáo viên TH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
86	TH Kênh Giang	1	Đỗ Thị Thanh Minh	02/02/1988	Giáo viên	ĐH Giáo dục Sư phạm ngành Tiếng Anh	28/07/2010	01/6/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
87	TH Kênh Giang	2	Hoàng Thị Kim Nga	02/11/1979	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục Tiểu học	12/07/2001 30/10/2007	01/5/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
88	TH Kênh Giang	3	Đặng Hồng Huê	12/11/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	31/05/2018	01/02/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
89	TH Kênh Giang	4	Vương Thị Lan	12/07/1987	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	03/05/2018	01/01/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
90	TH Kiến Bái	1	Lã Thị Thơm	04/01/1984	Giáo viên	ĐH ngôn ngữ Anh	30/06/2012	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/10/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,33	01/11/2023	01/10/2023	
91	TH Kiến Bái	3	Nguyễn Thị Thanh	02/01/1991	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
92	TH Kiến Bái	4	Phùng Thị Trang	20/12/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
93	TH Kiến Bái	5	Hoàng Thị Giang	19/03/1985	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
94	TH Kiến Bái	6	Phạm Thị Phương	20/07/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	19/07/2017	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
95	TH Kiến Bái	7	Lê Thị Thủy	24/12/1993	Giáo viên	ĐH NN Anh	14/02/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
96	TH Kiến Bái	8	Lã Phương Thủy	27/09/1998	Giáo viên	Thạc sĩ Giáo dục tiểu học ĐH giáo dục Tiểu học	06/01/2023 23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
97	TH Kiến Bái	9	Đào Thị Thu Trinh	24/09/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
98	TH Kiến Bái	10	Trần Thị Huyền Trang	28/07/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	08/07/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
99	TH Kỳ Sơn	1	Đào Thị Mai Anh	07/08/1996	Giáo viên	TSGDH ĐHGDTH	06/01/2023 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
100	TH Kỳ Sơn	2	Lê Thị Xuân	25/04/1997	Giáo viên	Đại học ngành GDTH	15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
101	TH Kỳ Sơn	3	Nguyễn T.Kim Oanh	30/08/1994	Giáo viên	Đại học ngành GDTH	19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
102	TH Kỳ Sơn	4	Trần Thi Hường	14/08/1997	Giáo viên	TS GDH ĐHGDTH	06/01/2023 15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
103	TH Kỳ Sơn	5	Tô Ngọc Mai	18/05/1998	Giáo viên	Đại học ngành GDTH	23/09/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
104	TH Kỳ Sơn	6	Nguyễn Thị Mai	15/02/1995	Giáo viên	TS GDH ĐHGDTH	06/01/2023 19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
105	TH Kỳ Sơn	7	Nguyễn Thị Hường	23/6/1989	Giáo viên	ĐHNN TA	15/01/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
106	TH Lại Xuân	1	Lương Thị Thu	11/11/1987	Giáo viên	ĐH GDTH	28/02/2012	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3.00	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/07/2023	
107	TH Lại Xuân	2	Phạm Thị Ninh	29/09/1996	Giáo viên	TS GDH ĐH GDTH	14/08/2023 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
108	TH Lại Xuân	3	Bùi Thị Thắm	12/11/1994	Giáo viên	ĐH GDTH	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
109	TH Lại Xuân	4	Đỗ Hoàng Hà	14/07/1994	Giáo viên	TS GDH ĐH GDTH	14/08/2023 03/05/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
110	TH Lại Xuân	5	Bùi Thị Xuân	28/10/1981	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ Tiếng Anh	09/01/2018 22/10/2002	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/03/2023	
111	TH Lâm Động	1	Nguyễn Hương Giang	02/08/1992	Giáo viên	Đại học GDTH Đại học NNAnh	09/01/2018 26/06/2014	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2022	
112	TH Lâm Động	2	Phạm Thị Thu Thảo	26/03/1996	Giáo viên	Đại học GDTH	23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
113	TH Lâm Động	3	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/06/1991	Giáo viên	Đại học GDTH	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
114	TH Lâm Động	4	Nguyễn Thị Nhinh	01/01/1989	Giáo viên	Đại học GDTH	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
115	TH Lâm Động	5	Phạm Thị Thúy Ngân	14/10/1997	Giáo viên	Thạc sĩ giáo dục học Đại học GDTH	06/01/2023 15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
116	TH Lâm Động	6	Nguyễn Lan Phong	03/09/1994	Giáo viên	Đại học GDTH	10/09/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
117	TH Lâm Động	7	Vũ Hữu Khánh	18/11/1995	Giáo viên	Đại học GDTH	09/01/2018	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
118	TH Lâm Động	8	Lã Thị Thùy Trang	06/12/1987	Giáo viên	Đại học NN Anh	23/06/2011	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3	0,33	01/11/2023	01/09/2022	
119	TH Lập Lễ	1	Bùi Thị Giung	27/11/1986	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học TC Sư phạm tiểu học	09/01/2018 05/07/2007	01/02//2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
120	TH Lập Lễ	2	Đào Thị Thu Hà	12/01/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	19/07/2017	01/02//2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
121	TH Lập Lễ	3	Nguyễn Thị Hoa	10/9/1989	Giáo viên	ĐH ngôn ngữ Anh	18/06/2015	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/12/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
122	TH Lập Lễ	4	Phạm Thị Thảo	31/03/1993	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	30/05/2018	01/02//2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
123	TH Lập Lễ	5	Lê Thị Quế	29/06/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	01/02//2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/07/2022	
124	TH Lập Lễ	6	Nguyễn Thị Trang	06/10/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	19/07/2017	01/02//2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
125	TH Liên Khê	1	Phạm Thị Phương Thảo	23/01/1996	Giáo viên	ĐH GDTH	10/06/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
126	TH Liên Khê	2	Vũ Thị Huyền Trang	17/12/1998	Giáo viên	ĐH GDTH	23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
127	TH Liên Khê	3	Đào Thị Huệ	15/12/1996	Giáo viên	ĐH GDTH	15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
128	TH Liên Khê	4	Nguyễn Thị Hoa	03/09/1996	Giáo viên	ĐH GDTH	23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
129	TH Liên Khê	5	Nguyễn Thị Thu	25/07/1989	Giáo viên	ĐH GDTH CĐCNTT	09/01/2018 15/11/2011	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
130	TH Liên Khê	6	Nguyễn Thị Nhung	25/01/1996	Giáo viên	ĐH GDTH	23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
131	TH Liên Khê	7	Phạm Thị Ngọc Diệp	03/08/1993	Giáo viên	ĐHNN Tiếng Anh	05/06/2015	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
132	TH Liên Khê	8	Nguyễn Thị Dung	09/03/1993	Giáo viên	ĐH GDTH ĐHSP vật lý	03/05/2018 25/07/2016	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/06/2022	
133	TH Liên Khê	9	Nguyễn Thị Phương	01/04/1985	Giáo viên	ĐH GDTH TCSP Mỹ thuật	09/01/2018 10/09/2006	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2022	
134	TH Liên Khê	10	Nguyễn Thị Phương Thảo	29/01/1995	Giáo viên	ĐH SP Tiếng Anh	23/07/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
135	TH Liên Khê	11	Nguyễn Thị Tĩnh	16/03/1989	Giáo viên	ĐH GDTH	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
136	TH Liên Khê	12	Nguyễn Thị Phương Liên	12/10/1991	Giáo viên	ĐH GDTH	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
137	TH Lưu Kiếm	1	Cù Thị Yến	21/01/1988	Giáo viên	ĐH SP tiếng Anh	28/07/2010	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/04/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,33	01/11/2023	01/11/2022	
138	TH Lưu Kiếm	2	Nguyễn Thị Luyện	20/12/1982	Giáo viên	ĐH SP Mỹ thuật TC SP Mỹ thuật	06/11/2013 05/7/2005	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/02/2022	
139	TH Lưu Kiếm	3	Nguyễn Thị Thùy Anh	13/12/1991	Giáo viên	ĐH SP Âm nhạc	5/7/2013	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
140	TH Lưu Kiếm	4	Vũ Thị Chi	26/10/1993	Giáo viên	ĐH GDTH	23/6/2015	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
141	TH Lưu Kiếm	5	Nguyễn Thị Gái	01/03/1990	Giáo viên	ĐH GDTH	'09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/07/2022	
142	TH Lưu Kiếm	6	Nguyễn Thị Bích Phương	01/12/1989	Giáo viên	ĐH GDTH	5/7/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/06/2022	
143	TH Lưu Kiếm	7	Cù Ngọc Hưng	28/04/1990	Giáo viên	ĐH GDTH ThS GDH	09/01/2018 06/01/2023	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
144	TH Lưu Kiếm	8	Lê Thị Thảo Linh	10/08/1994	Giáo viên	ĐH GDTH	28/01/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
145	TH Lưu Kiếm	9	Phạm Hồng Thúy	02/01/1989	Giáo viên	ĐH GDTH	25/02/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
146	TH Lưu Kiếm	10	Phạm Thị Huyền Trang	24/10/1998	Giáo viên	ĐH GDTH ThS GDH	23/7/2020 6/1/2023	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
147	TH Lưu Kiếm	11	Bùi Thị Yến	23/05/1991	Giáo viên	ĐH GDTH	09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
148	TH Lưu Kiếm	12	Lê Thị Hà	12/02/1987	Giáo viên	ĐH GDTH	28/06/2012	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
149	TH Lưu Kiếm	13	Mạc Thị Như Quỳnh	20/05/1992	Giáo viên	ĐH NN Anh	26/6/2014	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/09/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/07/2023	
150	TH Lưu Kiếm	14	Nguyễn Thị Linh	07/08/1989	Giáo viên	CĐ SP MT ĐH SP MT	28/7/2010 23/5/2014	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00		01/11/2023	01/02/2022	
151	TH Lưu Kiếm	15	Nguyễn Thị Mai	27/04/1991	Giáo viên	ĐH GDTH	9/1/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
152	TH Lưu Kiếm	16	Nguyễn Thị Minh Dung	25/12/1985	Giáo viên	ĐH GDTH	9/1/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/07/2022	
153	TH Lưu Kiếm	17	Nguyễn Thị Hồng	13/11/1994	Giáo viên	ĐH GDTH	23/7/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
154	TH Lưu Kiếm	18	Bùi Thị Thái Thùy	14/03/1991	Giáo viên	ĐH GDTH	09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
155	TH Lưu Kiếm	19	Trần Thị Thu Hằng	24/09/1984	Giáo viên	CĐ KTCN - Tin ĐH SP KTCN ĐH GDTH	20/09/2006 17/01/2009 9/1/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
156	TH Lưu Kiếm	20	Đinh Thị Hà Giang	28/11/1989	Giáo viên	ĐH GDTH	10/2/2014	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/12/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
157	TH Lưu Kiếm	21	Hoàng Thị Thanh	02/07/1992	Giáo viên	ĐH NN Anh	3/11/2014	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/04/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
158	TH Lưu Kiếm	22	Nguyễn Thị Ngân	28/11/1997	Giáo viên	ĐH GDTH	15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
159	TH Minh Đức	1	Hoàng Thị Thu Hồng	21/06/1985	Giáo viên	ĐH SP Tiếng Anh	10/06/2013	18/01/2016	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2023	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
160	TH Minh Đức	2	Vũ Thị Hoàng Yến	07/12/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	25/07/2016	24/11/2017	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2024	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/04/2022	
161	TH Minh Đức	3	Trần Viết Hoàng	02/02/1995	Giáo viên	ĐH SP Âm nhạc	10/07/2017	31/12/2019	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
162	TH Minh Đức	4	Lưu Thị Hoa	20/06/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	31/12/2019	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
163	TH Minh Đức	5	Nguyễn Thị Thu Hương	20/10/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
164	TH Minh Tân	1	Đàm Thị Thùy Linh	09/11/1992	Giáo viên	ĐHGDTH TSGDTH	5/7/2017 8/12/2020	01/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	**0,66**	01/11/2023	01/08/2021	
165	TH Minh Tân	2	Phạm Thị Quỳnh Hương	21/7/1995	Giáo viên	ĐHGDTH TSGDTH	23/7/2018 14/8/2023	01/02/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	**0,33**	01/11/2023	01/02/2023	
166	TH Minh Tân	3	Đỗ Thị Hiền	18/5/1988	Giáo viên	ĐHGDTH	9/1/2018	01/02/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	**0,33**	01/11/2023	01/01/2022	
167	TH Minh Tân	4	Nguyễn Thị Quỳnh	22/10/1985	Giáo viên	CĐMT ĐHGDTH	25/6/2008 3/5/2018	01/02/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	**0,33**	01/11/2023	01/02/2023	
168	TH Minh Tân	5	Vũ Thị Hoa	20/3/1993	Giáo viên	ĐHGDTH	3/5/2018	01/02/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	**0,33**	01/11/2023	01/08/2023	
169	TH Minh Tân	6	Vũ Thị Hồng Vân	18/10/1995	Giáo viên	ĐHSPTA	19/7/2017	01/01/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	**0,33**	01/11/2023	01/11/2023	
170	TH Minh Tân	7	Phạm Thị Liên	02/07/1990	Giáo viên	ĐHTA	24/1/2018	01/01/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	**0,33**	01/11/2023	01/12/2022	
171	TH Minh Tân	8	Vũ Thị Thúy	23/8/1990	Giáo viên	ĐHTA	27/11/2012	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/05/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	**0,33**	01/11/2023	04/2023	
172	TH Ngũ Lão	1	Đinh Thị Chi	18/03/1987	Giáo viên	ĐH SP tiểu học	06/07/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/07/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
173	TH Ngũ Lão	2	Nguyễn Thị Thu	08/08/1986	Giáo viên	ĐH tiếng anh Chứng chỉ SP	08/9/2010 05/06/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/08/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,00	01/11/2023	01/10/2022	
174	TH Ngũ Lão	3	Phạm Thị Minh Hà	28/10/1985	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học TC tin học CC SP ĐH SP tin	05/7/2017 22/8/2005 12/10/2006 15/12/2010	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
175	TH Ngũ Lão	4	Bùi Thị Điến	28/03/1988	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP tin học	05/7/2017 18/11/2014	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
176	TH Ngũ Lão	5	Phạm Thị Mỹ An	06/10/1996	Giáo viên	TS QLGD ĐH GD tiểu học	19/05/2023 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
177	TH Ngũ Lão	6	Hoàng Thị Hương	24/07/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	12/09//2017	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
178	TH Ngũ Lão	7	Nguyễn Thị Hằng	07/07/1982	Giáo viên	Đại học SP Tiếng Anh	02/10/2006	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/10/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
179	TH Ngũ Lão	8	Nguyễn Thị Hằng	21/06/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	25/02/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
180	TH Ngũ Lão	9	Nguyễn Thị Phương	16/01/1988	Giáo viên	Đại học ngôn ngữ Anh CC NV sư phạm	14/02/2019 24/8/2015	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
181	TH Ngũ Lão	10	Lê Thị Huyền	03/11/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	10/09/2018	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
182	TH Núi Đèo	1	Tô Thị Hà	03/05/1985	Giáo viên	TSQLGD ĐH SP ÂN CĐ SP ÂN	19/12/2022 08/06/2015 30/06/2007	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/03/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,33	01/11/2023	01/06/2023	
183	TH Núi Đèo	2	Vũ Thị Oanh	09/08/1979	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH CĐ Sư phạm CNTT	09/01/2018 06/05/2003	31/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2022	
184	TH Núi Đèo	3	Nguyễn Thị Thủy	10/08/1994	Giáo viên	TS Giáo dục học ĐH Giáo dục TH	16/12/2019 25/07/2016	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
185	TH Núi Đèo	4	Bùi Thị Yến Nhi	03/01/1996	Giáo viên	TS Giáo dục học ĐH Giáo dục TH	08/12/2020 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
186	TH Núi Đèo	5	Hoàng Thị Phương Loan	30/09/1995	Giáo viên	TS Giáo dục học ĐH Giáo dục TH	08/12/2020 19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
187	TH Núi Đèo	6	Nguyễn Thị Ngân	21/01/1990	Giáo viên	ĐH GDTH ĐH SP Hóa	09/01/2018 28/06/2012	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
188	TH Núi Đèo	7	Nguyễn Thị Ngọc Diu	19/02/1990	Giáo viên	ĐH Tiếng anh CC Sư phạm	05/07/2013 27/03/2017	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/12/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
189	TH Núi Đèo	8	Vũ Thị Lan Hương	15/07/1998	Giáo viên	TS Giáo dục học ĐH Giáo dục TH	14/08/2023 27/03/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
190	TH Núi Đèo	9	Nguyễn Thị Khánh Linh	14/08/1998	Giáo viên	TS Giáo dục học ĐH Giáo dục TH	14/08/2023 27/03/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
191	TH Núi Đèo	10	Nguyễn Thị Huyền	05/04/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH	23/07/2018	29/03/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/04/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
192	TH Phà Lễ	1	Phạm Thị Thu	14/09/1987	Giáo viên	ĐH Ngôn ngữ Anh CC nghiệp vụ sư phạm	30/07/2009 05/06/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33		01/11/2023	01/11/2023	
193	TH Phà Lễ	2	Vũ Thị Hồng Nhung	16/08/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục Tiểu học	19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
194	TH Phù Ninh	1	Phạm Thị Thúy	10/06/1989	Giáo viên	ĐH NN	17/12/2011	18/01/2016	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	3	3,00	01/07/2021	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/01/2023	
195	TH Phù Ninh	2	Nguyễn Thị Thu Huyền	14/02/1990	Giáo viên	ĐH NN	20/09/2012	18/01/2016	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	4	3,33	01/01/2024	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/01/2023	
196	TH Phù Ninh	3	Phạm Thị Thùy Dung	03/07/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2020	11/03/2021	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	1	2,34	01/10/2022	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
197	TH Phù Ninh	4	Nguyễn Thị Thúy	24/03/1988	Giáo viên	Thạc sỹ GD ĐH GD tiểu học	14/8/2023 05/07/2017	24/11/2017	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	3	3,00	01/01/2023	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
198	TH Phù Ninh	5	Nguyễn Thị Thu Thủy	02/9/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	2	2,67	01/02/2023	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
199	TH Phù Ninh	6	Vũ Thị Hạnh	05/09/1993	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/07/2017	01/01/2020	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
200	TH Phù Ninh	7	Vũ Thị Hải Linh	10/12/1998	Giáo viên	Thạc sỹ GD ĐH GD tiểu học	15/01/2023 23/07/2020	11/03/2021	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	1	2,34	01/04/2022	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
201	TH Phù Ninh	8	Vũ Thị Thanh Mỹ	21/11/1997	Giáo viên	Thạc sỹ giáo dục ĐH GD tiểu học	14/8/2023 15/07/2019	31/12/2019	Giáo viên TH hạng II	V07.03.07	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên TH hạng III	V07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
202	TH Phục Lễ	1	Lê Thị Thanh Thúy	12/11/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/7/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/011/2023	
203	TH Phục Lễ	2	Phạm Thị Lan Hương	23/05/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/7/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/011/2023	
204	TH Phục Lễ	3	Nguyễn Thị Thuyên	20/02/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	19/7/2017	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/011/2023	
205	TH Quảng Thanh	1	Hoàng Thị Hiền	03/12/1989	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	28/06/2012	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3	0,33	01/11/2023	01/07/2023	
206	TH Quảng Thanh	2	Bùi Thị Hoan	25/08/1986	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	06/07/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3	0,33	01/11/2023	01/04/2022	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
207	TH Quảng Thanh	3	Vũ Thị Lợi	02/11/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/07/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
208	TH Quảng Thanh	4	Vũ Thị Hà	18/01/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	25/07/2016	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3	01/05/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/05/2022	
209	TH Quảng Thanh	5	Nguyễn Thị Hương	30/01/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/07/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3	01/05/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/05/2022	
210	TH Quảng Thanh	6	Đặng Thị Thơm	27/10/1988	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/07/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3	01/10/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
211	TH Quảng Thanh	7	Vũ Thị Hằng	15/10/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	30/06/2007	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3	01/10/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/04/2023	
212	TH Quảng Thanh	8	Đặng Thu Hà	01/02/1996	Giáo viên	Th.s Giáo dục tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	13/07/2022 '23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
213	TH Quảng Thanh	9	Nguyễn Thị Thinh	20/10/1982	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
214	TH Quảng Thanh	10	Trương Thị Thu Hường	12/07/1989	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
215	TH Quảng Thanh	11	Ngô Thị Huyên	27/01/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
216	TH Quảng Thanh	12	Hoàng Thị Anh Vân	16/02/1995	Giáo viên	Th.s Giáo dục tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	06/01/2023 19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
217	TH Quảng Thanh	13	Mạc Minh Hòa	03/10/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
218	TH Quảng Thanh	14	Vũ Thị Ngọc Lan	03/10/1996	Giáo viên	Th.s Giáo dục tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	14/08/2023' '23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
219	TH Quảng Thanh	15	Trần Thị Thúy	11/02/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
220	TH Quảng Thanh	16	Nguyễn Thu Uyên	05/12/1997	Giáo viên	Th.s Giáo dục tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	06/01/2023 15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
221	TH Quảng Thanh	17	Trần Thị Thùy Dương	07/08/1997	Giáo viên	Th.s Giáo dục tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	14/08/2023 15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
222	TH Quảng Thanh	18	Nguyễn Tuyết Anh	21/01/1998	Giáo viên	Th.s Giáo dục tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	14/08/2023 23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
223	TH Tam Hưng	1	Lê Phương Loan	11/12/1998	Giáo viên	Đại học GDTH	23/07/2020	03/10/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
224	TH Tam Hưng	2	Lê Hà Linh	06/02/1993	Giáo viên	Đại học GDTH	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
225	TH Tam Hưng	3	Đào Thị Hạnh	11/11/1985	Giáo viên	Đại học Hải Phòng	06/07/2009	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/09/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/12/2021	
226	TH Tam Hưng	4	Phạm Thị Huệ	24/08/1987	Giáo viên	Đại học GDTH	12/09/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
227	TH Tam Hưng	5	Trần Thị Huyên	03/12/1985	Giáo viên	Đại học GDTH Cao đẳng cơ tin kĩ thuật	12/09/2017 25/02/2008	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/09/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67		01/11/2023	01/11/2023	
228	TH Tam Hưng	6	Vũ Thị Thu Huyền	18/12/1997	Giáo viên	Đại học GDTH	05/09/2019	30/07/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/08/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
229	TH Tân Dương	1	Nguyễn T. Minh Ngọc	28/03/1989	Giáo viên	Cử nhân GD TH CĐ GDTH TH GDTH	10/04/ 2013 28/04/2011 30/07/2009	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/ 2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33		01/11/2023	01/11/2023	
230	TH Tân Dương	2	Bùi Thu Hương	07/07/1993	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	23/06/ 2015	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/ 2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
231	TH Tân Dương	3	Đào Thị Lương	08/12/1993	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	23/06/ 2015	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/ 2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
232	TH Tân Dương	4	Dương Thị Luyên	23/09/1989	Giáo viên	Cử nhân sư phạm Âm nhạc	29/08/ 2013	01/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/ 2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
233	TH Tân Dương	5	Phan Thị Trường	04/06/1983	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	09/01/ 2018	01/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/ 2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2022	
234	TH Tân Dương	6	Trần Thị Thơ	13/11/1990	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	09/01/ 2018	01/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/ 2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2022	
235	TH Tân Dương	7	Trần Thị Huyền	08/03/1993	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	09/01/ 2018	01/01/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/ 2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2023	
236	TH Tân Dương	8	Nguyễn Thị Giang	07/12/1997	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	15/07/ 2019	01/01/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/ 2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
237	TH Tân Dương	9	Vũ Thị Mỹ Duyên	20/04/1997	Giáo viên	Thạc sĩ giáo dục TH Cử nhân GDTH	14/08/2023 05/09/2019	01/01/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/ 2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
238	TH Tân Dương	10	Ng. T. Phương Thảo	29/10/1993	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	08/11/ 2019	01/06/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/06/ 2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
239	TH Tân Dương	11	Bùi. T. Phương Thảo	11/10/1998	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	23/07/ 2020	01/04/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/ 2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
240	TH Tân Dương	12	Hoàng Nhật Tân	20/06/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	25/07/2016	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2027	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/05/2022	
241	TH Tân Dương	13	Nguyễn Thị Nhung	02/11/1983	Giáo viên	ĐH ngôn ngữ Anh - CC BD NVSP	12/07/2011	01/07/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/08/ 2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
242	TH Tân Dương	14	Ng. Thị Kim Huệ	29/10/1979	Giáo viên	ĐH Tiếng Anh khoa Sư phạm	30/09/ 2004	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/07/ 2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/02/2022	
243	TH Thiên Hương	1	Phạm Thị Huyền	03/11/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	26/06/2014	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/06/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
244	TH Thiên Hương	2	Nguyễn Thị Thanh	23/07/1991	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/07/2013	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/06/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
245	TH Thiên Hương	3	Đào Thị Nguyên	01/11/1978	Giáo viên	ĐHSP Âm nhạc CĐSP Âm nhạc Trung học SP Âm nhạc	08/06/2015 15/02/2007 12/10/2001	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
246	TH Thiên Hương	4	Bùi Thị Xuân	02/01/1993	Giáo viên	Thạc sĩ giáo dục học ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Mĩ thuật	13/07/2022 05/07/2017 26/08/2014	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
247	TH Thiên Hương	5	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/03/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
248	TH Thiên Hương	6	Trần Thị Cẩm Vi	29/08/1994	Giáo viên	Thạc sĩ Giáo dục học ĐH Giáo dục tiểu học	31/12/2021 09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
249	TH Thiên Hương	7	Vũ Thị Liên	04/10/1992	Giáo viên	ĐH sư phạm Tiếng anh	26/06/2014	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/07/2023	
250	TH Thiên Hương	8	Lã Thị Tình	05/11/1983	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học ĐH Ngôn ngữ anh	09/01/2018 21/06/2013	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2022	
251	TH Thiên Hương	9	Hoàng Thảo Nguyên	24/02/1996	Giáo viên	Thạc sĩ giáo dục học ĐH Giáo dục tiểu học	06/01/2023 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
252	TH Thiên Hương	10	Chu Thị Thanh Hiền	08/07/1986	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	18/01/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
253	TH Thiên Hương	11	Phạm Thu Thủy	02/09/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
254	TH Thiên Hương	12	Tô Thị Thùy Dung	25/09/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
255	TH Thiên Hương	13	Tạ Thị Tình	12/12/1997	Giáo viên	ĐH sư phạm Tiếng anh	15/07/2019	17/03/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/10/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
256	TH Thiên Hương	14	Hoàng Thị Liên	01/09/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2018	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/12/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
257	TH Thiên Hương	15	Lô Thị Ngọc Chi	19/10/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	12/06/2017	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
258	TH Thiên Hương	16	Hoàng Thị Huyền Trang	10/05/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34		01/11/2023	01/11/2023	
259	TH Thuỷ Đường	1	Phạm Thị Chi	28/02/1990	Giáo viên	ĐH SP ÂN	05/07/2013	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/07/2022	
260	TH Thuỷ Đường	2	Trần Thị Đan Tâm	15/06/1993	Giáo viên	ĐH GDTH ĐH SPMT	09/01/2018 18/06/2015	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
261	TH Thuỷ Đường	3	Trần Thu Lý	26/07/1994	Giáo viên	TS GDH ĐH GDTH	31/12/2021 25/07/2016	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
262	TH Thuỷ Đường	4	Phạm Thị Phượng	16/05/1987	Giáo viên	ĐH SP MT CĐ SPMT	06/11/2013 25/06/2008	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
263	TH Thuỷ Đường	5	Nguyễn Kim Anh	13/01/1984	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ ÂN TH SP ÂN	10/06/2020 10/04/2009 12/09/2007	16/09/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/09/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
264	TH Thuỷ Đường	6	Ngô Thị Mai Phương	08/10/1993	Giáo viên	ĐH GDTH	09/01/2018	22/10/2018	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/05/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/05/2023	
265	TH Thuỷ Đường	7	Lê Thị Giang	14/05/1988	Giáo viên	ĐH GDTH ĐH NNA	09/01/2018 03/06/2011	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
266	TH Thuỷ Đường	8	Nguyễn Khánh Linh	03/08/1997	Giáo viên	TS GDH ĐH GDTH	14/08/2023 15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
267	TH Thuỷ Đường	9	Nguyễn Cẩm Vân	15/05/1995	Giáo viên	TS GDH ĐH GDTH	08/12/2020 19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
268	TH Thuỷ Đường	10	Đỗ Thị Thảo	06/12/1996	Giáo viên	TS GDH ĐH GDTH	18/02/2022 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/02/2023	
269	TH Thuỷ Đường	11	Vũ Thị Hoa	23/10/1990	Giáo viên	TS GDH ĐH SPTH	01/06/2017 05/07/2013	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/02/2022	
270	TH Thuỷ Đường	12	Vũ Thị Hiền	30/08/1981	Giáo viên	ĐH GDTH	10/04/2010	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	5	3,66	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
271	TH Thuỷ Đường	13	Phạm Thị Ngọc	28/06/1981	Giáo viên	TS NNA ĐH SPTA CĐ TA(B)	05/01/2023 15/12/2005 01/12/2003	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,33	01/11/2023	01/01/2023	
272	TH Thuỷ Đường	14	Đặng Thanh Mai	01/02/1997	Giáo viên	ĐH GDTH	15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
273	TH Thuỷ Đường	15	Phạm Thị Lan Phong	02/02/1989	Giáo viên	ĐH SP TA	23/06/2011	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
274	TH Thuỷ Đường	16	Cao Thị Huyền Trang	20/11/1997	Giáo viên	ĐH GDTH	06/06/2019	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
275	TH Thuỷ Sơn	1	Trần Thị Bích Diệp	11/6/1987	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH Thạc sĩ	31/08/2011 '06/01/2023	25/05/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
276	TH Thuỷ Sơn	2	Đặng Thị Hồng Chuyên	09/06/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/07/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/05/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,66	01/11/2023	01/05/2022	
277	TH Thuỷ Sơn	3	Bùi Thị Thanh Vân	30/12/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	01/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/07/2022	
278	TH Thuỷ Sơn	4	Bùi Thị Hồng Nhung	05/10/1997	Giáo viên	Cử nhân ngôn ngữ Anh	18/10/2019	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/06/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
279	TH Thuỷ Sơn	5	Nguyễn Thị Phương	24/02/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH - Thạc sĩ	15/07/2019 '06/01/2023	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
280	TH Thuỷ Sơn	6	Doãn Thị Huyền Trang	02/10/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	12/09/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/05/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/04/2022	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
281	TH Thuỷ Sơn	7	Phạm Mai Hương	12/09/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH Thạc sĩ	09/01/2018'16/0 7/2021	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
282	TH Thuỷ Sơn	8	Trịnh Thị Thu Quyên	27/11/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH Thạc sĩ	19/10/2017 06/01/2023	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
283	TH Thuỷ Sơn	9	Đinh Thị An	04/12/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/07/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/01/2023	
284	TH Thuỷ Sơn	10	Phạm Thị Dinh	11/06/1989	Giáo viên	ĐH công nghệ TT ĐH Giáo dục tiểu học	03/05/2013 '09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/04/2022	
285	TH Thuỷ Triều	1	Phạm Thị Thuý	05/04/1989	Giáo viên	ĐH GD TH	09/01/2018	01/02/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0.33	01/11/2023	01/8/2023	
286	TH Thuỷ Triều	2	Phạm Thị Hường	25/06/1994	Giáo viên	CĐ SP HOÁ SINH ĐH GD TH	23/06/2015 09/01/2018	01/04/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/04/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0.33	01/11/2023	01/10/2023	
287	TH Thuỷ Triều	3	Nguyễn Thanh Uyên	14/08/1980	Giáo viên	ĐH GD TH	12/10/2004	01/02/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0.33	01/11/2023	01/08/2023	
288	TH Thuỷ Triều	4	Lê Thị Thu Trang	08/02/1992	Giáo viên	ĐH TA	28/07/2014	01/02/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0.33	01/11/2023	01/08/2023	
289	TH Thuỷ Triều	5	Lương Thị Hảo	14/04/1990	Giáo viên	ĐHSP TA	28/06/2012	01/08/2018	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/03/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0.33	01/11/2023	01/11/2023	
290	TH Thuỷ Triều	6	Phạm Thị Mai Anh	30/06/1996	Giáo viên	ĐH GD TH	23/07/2018	01/07/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0.33	01/11/2023	01/11/2023	
291	TH Thuỷ Triều	7	Nguyễn Thị Gấm	14/05/1988	Giáo viên	ĐH GD TH	28/06/2018	01/01/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0.33	01/11/2023	01/11/2023	
292	TH Thuỷ Triều	8	Nguyễn Thúy Như	08/11/1997	Giáo viên	ĐH GD TH	05/09/2019	01/05/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/05/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0.33	01/11/2023	01/11/2023	
293	TH Thuỷ Triều	9	Cao Thị Hồng Anh	24/02/1996	Giáo viên	ĐH GD TH	15/07/2019	01/04/2022	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0	01/11/2023	01/11/2023	
294	TH Thuỷ Triều	10	Nguyễn Thị Thảo	14/08/1998	Giáo viên	ĐH GD TH	23/07/2020	01/10/2022	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/10/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0	01/11/2023	01/11/2023	
295	TH Thuỷ Triều	11	Trần Thị Hà	30/12/1980	Giáo viên	CĐTH, ĐHGDTH	02/07/2001 20/11/2014	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
296	TH Thuỷ Triều	12	Nguyễn Thị Lan	03/01/1990	Giáo viên	ĐH GD TH	28/06/2012	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/08/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33	01/11/2023	01/8/2023	
297	TH Trung Hà	1	Đồng Thị Hải	19/12/1979	Giáo viên	ĐH Tiếng Anh	18/08/2007	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,66	01/11/2023	01/01/2023	
298	TH Trung Hà	2	Hoàng Thu Hiền	05/08/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	19/07/2017	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
299	TH Trung Hà	3	Hoàng Thị Hạnh	19/10/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
300	TH Trung Hà	4	Vũ Thị Thu Thảo	28/03/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	09/01/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
301	TH Trung Hà	5	Nguyễn Thị Minh Trang	03/05/1996	Giáo viên	ĐH sư phạm tiếng Anh	15/07/2019	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/06/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
302	TH Trung Hà	6	Phạm Thị Thủy	09/08/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	23/07/2020	10/03/2021	GVTH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/02/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
303	TH Mỹ Đồng	1	Bùi Thị Vân Nhung	29/09/1979	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GDTH	10/04/2010 06/07/2000	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/04/2022	GVTH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
304	TH Mỹ Đồng	2	Lê Thị Thanh Nhàn	27/08/1982	Giáo viên	ĐH SPTA CĐ SPTA	24/09/2010 01/12/2003	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/01/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,33	01/11/2023	01/03/2022	
305	TH Mỹ Đồng	3	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/02/1996	Giáo viên	TS GD học ĐH GDTH	31/12/2021 23/07/2018	30/01/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/02/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/08/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
306	TH Mỹ Đồng	4	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	29/06/1997	Giáo viên	TS GD học ĐH GDTH	14/08/2023 15/07/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2021	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
307	TH Dương Quan	1	Đàm Thị Nhung	16/01/1980	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	10/04/2010	18/01/2016	GVTH hạng II	V.07.03.07	4	3,33	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/02/2023	
308	TH Dương Quan	2	Hà Thị Quý	01/08/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	05/7/2017	24/11/2017	GVTH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/11/2023	GVTH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0.33	01/11/2023	01/11/2023	
309	TH Dương Quan	3	Nguyễn Thị Quỳnh	02/05/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	18/09/2019	31/12/2019	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/01/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2.34	0.33	01/11/2023	01/11/2023	
310	TH Dương Quan	4	Phạm Thị Bích	17/02/1995	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học	08/11/2019	28/05/2020	GVTH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/06/2024	GVTH hạng III	V.07.03.29	1	2.34	0.33	01/11/2023	01/11/2023	

Tổng cộng: 310 người

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN

DANH SÁCH

Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên

(Kèm theo Thông báo số: 417/TB-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên)

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
1	TH An Lư	1	Vũ Thị Thu Hà	09/05/1987	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD Tiểu học	09/01/2018 02/04/2010	01/11/2017	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,72	01/02/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
2	TH An Lư	2	Nguyễn Thị Linh Giang	09/09/1995	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	29/06/2021 08/07/2019	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
3	TH Cao Nhân	1	Vũ Thùy Hương	26/08/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP Tiểu học	29/06/2021 15/05/2013	24/11/2017	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
4	TH Cao Nhân	2	Hoàng Thị Luyến	26/05/1983	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ GD tiểu học	29/06/2021 '04/07/2005	24/11/2017	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/05/2024	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,38	01/11/2023	01/05/2022	
5	TH Cao Nhân	3	Nguyễn Thị Huyền	19/02/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP GD Tiểu học	12/7/2022 19/8/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
6	TH Cao Nhân	4	Hoàng T Phương Liên	29/08/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP GD Tiểu học	22/12/2021 19/08/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
7	TH Cao Nhân	5	Đỗ Thị Khuyên	20/04/1982	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Tiểu học	29/06/2021 01/12/2003	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/01/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	5	3,66	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
8	TH Cao Nhân	6	Trần Thị Anh	03/12/1989	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP GD Tiểu học	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
9	TH Chính Mỹ	1	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	25/10/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học, CĐ giáo dục tiểu học	29/6/2021, 02/4/2013	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/2/2024	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,36	01/11/2023	01/2/2023	
10	TH Chính Mỹ	2	Trần Thị Minh	22/03/1991	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học, CĐ SP giáo dục TH	29/6/2021, 26/6/2018	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
11	TH Chính Mỹ	3	Đỗ Thị Thanh Huyền	19/03/1996	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học, CĐ SP giáo dục TH	29/6/2021, 08/7/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
12	TH Chính Mỹ	4	Vũ Thị Giang	20/07/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học, CĐ SP giáo dục TH	29/6/2021, 15/7/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
13	TH Đông Sơn	1	Vũ Thị Thu Hằng	19/07/1979	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục tiểu học Trung học GDTH	29/6/2021 06/6/2001 25/6/1999	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	4	3,33		01/11/2023	01/10/2023	
14	TH Gia Minh	1	Nguyễn Thị Huyên	17/04/1978	Giáo viên	ĐH Giáo dục TH CĐ sư phạm TH	09/01/2018 '06/07/2000	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/09/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,36	01/11/2023	01/09/2022	
15	TH Hoà Bình	1	Đào Thị Tấm	26/07/1981	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GDTH	09/01/2018 22/10/2002	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/06/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	3	3,00	0,03	01/11/2023	01/06/2023	
16	TH Hoà Bình	3	Trần Thị Nhung	22/09/1993	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GDTH	16/07/2021 08/07/2019	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
17	TH Hoà Bình	4	Nguyễn Thị Huyên	11/10/1979	Giáo viên	ĐHGDTH CĐGDTH ĐHGD mầm non	29/06/2021 '02/07/2001 20/06/2016	01/02/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/02/2023	
18	TH Hoà Bình	5	Đào Thị Ngọc Anh	25/8/1997	Giáo viên	CĐ Giáo dục tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	23/05/2018 29/06/2021	01/02/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/08/2023	
19	TH Hoa Động	1	Lại Thị Thúy	10/11/1981	Giáo viên	CĐ sư phạm tiểu học ĐH Giáo dục tiểu học	22/10/2002 09/01/2018	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/03/2024	Giáo viên TH hạng III	V.07.02.29	4	3,33		01/11/2023	01/08/2022	
20	TH Hoàng Động	1	Phạm Thị Thu Uyên	01/09/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục tiểu học	29/06/2021 15/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/10/2023	
21	TH Hoàng Động	2	Nguyễn Thị Trang	25/10/1987	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục tiểu học	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
22	TH Hoàng Động	3	Nguyễn Phương Thảo	28/07/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục tiểu học	19/07/2021 15/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
23	TH Kênh Giang	1	Hoàng Thị Hương Huyền	02/08/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học - CĐ Giáo dục Tiểu học	29/06/2021 22/07/2018	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2,00	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
24	TH Kênh Giang	2	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	30/03/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học - CĐ Giáo dục Tiểu học	29/06/2021 15/07/2019	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2,00	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
25	TH Kiền Bái	3	Hoàng Thị Hà	01/06/1992	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ sư phạm	29/06/2021 28/07/2013	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
26	TH Kiền Bái	5	Nguyễn Hoài Giang	02/03/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học Cao đẳng sư phạm	29/06/2021 15/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
27	TH Kiền Bái	6	Phạm Thị Yến	24/12/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ sư phạm	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/08/2023	
28	TH Kiền Bái	7	Nguyễn Thị Quyên	08/03/1990	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ sư phạm	22/12/2021 19/08/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
29	TH Kiền Bái		Lương Thị Mai Dung	15/06/1981	Giáo viên	ĐH âm nhạc CĐ sư phạm âm nhạc	21/08/2022 29/03/2007	29/11/2012	Giáo viên TH hạng III	V.07.03.08	6	3,65	01/04/2022	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	5	3,66	0,01	01/11/2023	01/04/2022	
30	TH Kỳ Sơn	2	Vũ Thị Bích Đào	11/11/1994	Giáo viên	ĐHGDTH CĐGDTH	18/05/2021 08/07/2019	31/12/2019	GVTH Hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
31	TH Kỳ Sơn	3	Lê Thị Thanh Hoa	01/11/1986	Giáo viên	ĐHGDTH CĐGDTH	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GVTH Hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
32	TH Lại Xuân	2	Cao Thị Quyên	09/07/1985	Giáo viên	ĐH GDTH CĐSP GDTH	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
33	TH Lại Xuân	3	Bùi Thị Duyên	19/06/1991	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GD TH	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
34	TH Lại Xuân	4	Nguyễn Thị Nhung	24/08/1993	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GD TH	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
35	TH Lại Xuân	5	Nguyễn Thị Hà	05/06/1984	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GD TH	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
36	TH Lâm Động	2	Bùi Thị Thái Hà	16/10/1988	Giáo viên	Đại học GDTH Cao đẳng GDTH	16/07/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
37	TH Lâm Động	3	Đỗ Thị Hồng Ngọc	12/09/1998	Giáo viên	Đại học GDTH Cao đẳng SPTH	29/06/2021 18/06/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
38	TH Lập Lễ	1	Đào Thị Hằng	01/10/1978	Giáo viên	CĐ Giáo dục Tiểu học ĐH Giáo dục Tiểu Học	02/07/2001 19/09/2022	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	5	3,66	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
39	TH Lưu Kiếm	1	Chu Thị Chính	28/11/1982	Giáo viên	CĐ SP GDTH ĐH GDTH	8/7/2019 29/06/2021	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/04/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/07/2023	
40	TH Lưu Kiếm	3	Nguyễn Thị Thuý	25/09/1987	Giáo viên	CĐ GDTH ĐH GDTH	8/7/2019 16/7/2021	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
41	TH Minh Tân	1	Hoàng Thị Lan Anh	08/12/1996	Giáo viên	CĐSPTH ĐHGDTH	12/12/2018 29/6/2021	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
42	TH Minh Tân	2	Trần Thị Hải Linh	01/11/1998	Giáo viên	CĐSPTH ĐHGDTH	15/7/2019 29/6/2021	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
43	TH Minh Tân	3	Vũ Minh Hiếu	14/9/1997	Giáo viên	CĐSPTH ĐHGDTH TSGDTH	26/6/2018 16/7/2020 14/8/2023	01/02/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/08/2023	
44	TH Minh Tân	4	Nguyễn Khánh Huyền	20/5/1996	Giáo viên	CĐSPTH ĐHGDTH TSGDTH	23/7/2018 16/7/2020 14/8/2023	01/02/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/08/2023	
45	TH Minh Tân	5	Chu Thị Thúy	16/2/1976	Giáo viên	THSP CĐSPTH ĐHGDTH	20/6/1999 6/6/2001 9/1/2018	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	3	3,00		01/11/2023	01/11/2022	
46	TH Mỹ Đồng	1	Nguyễn Nguyệt Hà Thu	07/11/1998	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GDTH	29/06/2021 15/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
47	TH Mỹ Đồng	2	Trần Hương Ly	20/09/1998	Giáo viên	ĐH GDTH CĐ GDTH	29/06/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
48	TH Ngũ Lão	1	Nguyễn Thị Lĩnh	25/05/1980	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	29/06/2021 22/10/2002	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/9/2023	
49	TH Ngũ Lão	2	Tô Thị Thủy	20/11/1979	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	29/06/2021 22/10/2002	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/12/2022	
50	TH Ngũ Lão	3	Bùi Thị Minh Hồng	20/12/1981	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	09/01/2018 02/07/2001	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	5	3,34	01/04/2024	GV TH hạng III	V.07.03.29	5	3,66		01/11/2023	01/9/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
51	TH Ngũ Lão	4	Vũ Quỳnh Nga	28/06/1990	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	30/05/2016 10/04/2012	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/8/2023	
52	TH Ngũ Lão	5	Bùi Thị Ngư	20/10/1991	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	29/06/2021 04/07/2013	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/7/2022	
53	TH Ngũ Lão	6	Phạm Thị Doan	13/02/1991	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	29/06/2021 12/03/2013	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
54	TH Ngũ Lão	7	Nguyễn Thị Hồng Ngọ	14/10/1996	Giáo viên	ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	16/07/2020 19/05/2017	24/11/2017	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/05/2024	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,38	01/11/2023	01/8/2022	
55	TH Ngũ Lão	8	Nguyễn Thị Mai Anh	30/11/1995	Giáo viên	TS Giáo dục học ĐH GD tiểu học CĐ GD tiểu học	14/08/2023 16/07/2020 26/06/2018	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
56	TH Phả Lễ		Lương Thị Ka	28/10/1986	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ sư phạm tiểu học	29/06/2021 20/08/2009	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/05/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/07/2022	
57	TH Phả Lễ		Vũ Thị Hương	14/06/1988	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ sư phạm tiểu học	09/01/2018 01/10/2010	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
58	TH Phù Ninh	1	Phạm Thị Miền	22/12/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học Cao đẳng SP tiểu học	29/06/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
59	TH Phù Ninh	2	Phạm Thị Vân Anh	27/9/1984	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học Cao đẳng SP tiểu học	29/06/2021 01/07/2005	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/04/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,30	01/11/2023	01/07/2022	
60	TH Phù Ninh	3	Nguyễn Thị Huế	07/10/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐGD tiểu học	16/07/2020 23/07/2018	31/01/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/08/2023	
61	TH Phục Lễ	1	Nguyễn Thị Hải Hà	01/11/1988	Giáo viên	ĐH GD TH CĐ GDTH TC GDTH	09/08/2107 27/07/2010 30/05/2008	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/08/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	4	3,33	0,00	01/11/2023	01/11/2023	
62	TH Phục Lễ	3	Bùi Thị Thanh Huyền	16/10/1998	Giáo viên	ĐH GD TH CĐ GD TH	29/06/2021 05/07/2019	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
63	TH Quảng Thanh	2	Đinh Thị Ngọc Hà	15/08/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP tiểu học	19/07/2021 15/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	

Stt toàn huyện	Trường	STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
64	TH Quảng Thanh	3	Đỗ Thanh Duyên	11/02/1998	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP tiểu học	19/07/2021 15/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
65	TH Quảng Thanh	4	Lữ Thị Tú	17/08/1994	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ SP tiểu học	19/09/2022 15/08/2015	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/05/2022	
66	TH Tân Dương	1	Hoàng Thị Kim Anh	19/04/1998	Giáo viên	Cử nhân Giáo dục Tiểu học CĐ GDTH	19/07/ 2021 15/07/2019	01/01/2020	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/04/ 2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
67	TH Thiên Hương	1	Mai Thị Thơm	01/02/1991	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục tiểu học Trung cấp Giáo dục tiểu học	29/06/2021 28/03/2013 21/06/2011	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/06/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
68	TH Thiên Hương	2	Nguyễn Thị Như Thùy	10/10/1991	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục tiểu học	29/06/2021 15/06/2013	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
69	TH Thiên Hương	3	Phạm Thị Hiên	26/01/1997	Giáo viên	ĐH Giáo dục tiểu học CĐ Giáo dục tiểu học	16/07/2020 23/07/2018	30/01/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/08/2023	
70	TH Thuỷ Đường	1	Nguyễn Thị Hải Anh	04/03/1997	Giáo viên	TS GDH ĐH GDTH CĐ GDTH	06/01/2023 16/07/2020 10/09/2018	30/01/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/08/2023	
71	TH Thuỷ Triều	1	Bùi Thị Hoạt	01/01/1980	Giáo viên	CĐ TH ĐH GD TH	02/07/2001 29/06/2021	25/05/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/11/2022	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,05	01/11/2023	01/11/2023	
72	TH Thuỷ Triều	2	Nguyễn Thị Lý	01/06/1978	Giáo viên	CĐ TH ĐH GD TH	02/07/2021 29/06/2021	18/01/2016	GV TH hạng III	V.07.03.08	4	3,03	01/09/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	2	2,67	0,36	01/11/2023	01/09/2023	
73	TH Trung Hà	1	Nguyễn Thị Lan	26/12/1989	Giáo viên	ĐHGD tiểu học CĐ GD tiểu học TC GD tiểu học	16/07/2020 10/04/2012 15/06/2010	24/11/2017	GV TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/05/2024	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,38	01/11/2023	01/05/2023	
74	TH Trung Hà	2	Khổng Thị Ánh Dương	29/09/1994	Giáo viên	ĐHGD tiểu học CĐ GD tiểu học	18/05/2021 18/06/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
75	TH Trung Hà	3	Đặng Thị Nguyệt	10/09/1989	Giáo viên	ĐHGD tiểu học CĐ GD tiểu học ĐH ngôn ngữ Anh	16/07/2021 08/07/2019 02/08/2013	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/01/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	
76	TH Trung Hà	4	Phạm Thị Phúc	26/08/1990	Giáo viên	ĐHGD tiểu học CĐ GD tiểu học	29/06/2021 08/07/2019	31/12/2019	GV TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/10/2023	GV TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07	01/11/2023	01/11/2023	

Tổng cộng: 76 người

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN

DANH SÁCH

Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên

(Kèm theo Thông báo số: 417/TB-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trường THCS	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
					Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
1	Phạm Thị Thanh Tâm	05/12/1996	Giáo viên	An Lư	ĐH SP Toán	23/07/2018	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/06/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/03/2024	
2	Trần Thị Hoài	17/05/1992	TP tổ XH,Giáo viên	An Lư	ĐHSP Văn ThS. Ngữ văn	23/05/2014 30/01/2018	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/06/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/03/2024	
3	Hoàng Thu Thảo	09/12/1992	Giáo viên	Chính Mỹ	ĐHSP Ngữ văn	31/10/2016	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/08/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/05/2022	
4	Hoàng Thị Cẩm Nguyên	10/05/1991	Giáo viên	Chính Mỹ	Th.sĩ Toán học ĐHSP Toán học	23/02/2016 21/06/2013	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/10/2023	
5	Đặng Thu Uyên	25/04/1995	Giáo viên	Chính Mỹ	ĐH SP Toán	19/07/2017	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/12/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	1	2,34		01/11/2023	01/09/2021	
6	Phạm Thị Thu Hương	16/02/1979	Giáo viên	Dương Quan	TCSP Âm nhạc; ĐH SP Âm nhạc	17/6/2002; 04/01/2007	31/01/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/03/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/09/2021	
7	Nguyễn Thị Thương	29/11/1990	Giáo viên	Dương Quan	ĐH SP Vật lý	28/06/2012	31/12/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/03/2022	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/01/2021	
8	Trần Thị Hải Chi	04/08/1995	Giáo viên	Dương Quan	ĐH SP Toán ThS. Toán	29/06/2017 16/07/2021	30/01/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/02/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/11/2022	
9	Bùi Thị Thùy Dương	11/02/1997	Giáo viên	Dương Quan	ĐH SP Ngoại ngữ	05/09/2019	31/12/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
10	Phạm Thị Phương	28/04/1988	Giáo viên	Dương Quan	CĐ Văn-Đoàn đội ĐH SP Ngữ Văn	28/07/2010 02/07/2012	30/01/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/07/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/02/2023	
11	Đỗ Thị Minh Thanh	08/10/1993	Giáo viên	Dương Quan	ĐH SP Ngữ Văn	23/06/2015	31/12/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
12	Vũ Thị Hương	01/01/1987	Giáo viên	Hoà Bình	ĐHSP Văn-Địa	28/07/2010	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/08/2021	
13	Trần Văn Đông	01/04/1994	Giáo viên	Hoà Bình	Đh SP Toán ThS. Toán	25/10/2016 29/09/2020	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
14	Đỗ Thị Thùy Vân	06/07/1989	Giáo viên	Hoà Bình	ĐH SP Hoá	28/06/2012	01/04/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/10/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/01/2023	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trường THCS	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
					Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
15	Đoàn Thị Phương Thái	26/08/1979	Giáo viên	Hoà Bình	TCSP Âm nhạc ĐHSP Âm nhạc	10/12/2002 04/01/2007	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/10/2022	
16	Nguyễn Thị Mến	26/11/1986	Giáo viên	Hoa Động	CĐSP Mỹ thuật ĐHSP Mỹ Thuật	25/06/2008 06/11/2013	24/11/2017	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/04/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
17	Nguyễn Thị Minh Huệ	22/04/1987	Giáo viên	Hoa Động	ĐHSP Ngữ văn	28/07/2010	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/11/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/10/2021	
18	Trần Thị Ngọc Minh	22/10/1987	Giáo viên	Hoa Động	ĐHSP Toán	06/07/2009	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
19	Trần Thị Huyền	22/07/1996	Giáo viên	Hoa Động	ĐHSP Toán	10/09/2018	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/07/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2024	
20	Nguyễn Thị Luyến	05/02/1991	Giáo viên	Hoa Động	CĐSP Văn ĐHSP Ngữ văn	28/06/2012 30/03/2015	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/02/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/02/2022	
21	Bùi Thanh Hằng	13/03/1993	Giáo viên	Hoa Động	ĐHSP Hóa	23/06/2015	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/05/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/02/2022	
22	Đặng Thị Thu Hường	06/07/1988	Giáo viên	Hoa Động	ĐH Tiếng Anh	08/09/2010	18/01/2016	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/10/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/04/2024	
23	Nguyễn Thị Hải Yến	31/10/1997	Giáo viên	Hoàng Động	ĐH SP Tiếng Anh	15/07/2019	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/07/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2024	
24	Tạ Thu Hằng	17/04/1990	Giáo viên	Hoàng Động	ĐHSP Toán	23/06/2011	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/09/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/08/2021	
25	Bùi Thị Thơm	14/06/1990	Giáo viên	Hoàng Động	ĐHSP Vật Lý	25/05/2015	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/10/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/07/2023	
26	Đỗ Quỳnh Chi	14/9/1997	Giáo viên	Hoàng Động	ĐH SP Hóa	15/07/2019	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/12/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/09/2023	
27	Mạc Thị Hương Giang	04/12/1996	Giáo viên, Tổ phó	Hợp Thành	ĐHSP Toán ThS. Toán	23/07/2018 08/12/2020	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
28	Bùi Thị Thu Hà	05/07/1988	Giáo viên	Hợp Thành	ĐHSP Hóa	23/06/2011	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/02/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/06/2021	
29	Hoàng Thị Huyền Trang	05/09/1995	Giáo viên	Hợp Thành	ĐHSP Toán Thạc sĩ Toán	19/07/2017 14/08/2023	28/05/2020	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/12/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	1	2,34		01/11/2023	01/09/2021	
30	Nguyễn Thị Hải Vi	08/05/1983	Giáo viên	Hợp Thành	CĐ SP Âm nhạc ĐH SP Âm nhạc	29/03/2007 02/04/2013	24/11/2017	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/09/2023	
31	Hoàng Thị Thùy Vân	12/05/1986	Giáo viên	Kiến Bái	ĐH SP Tiếng anh	25/6/2008	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/07/2022	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trường THCS	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
					Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
32	Vũ Thị Khánh Huyền	10/12/1996	Giáo viên	Kiền Bái	ĐH SP Toán học	23/07/2018	25/01/2021	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/02/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	1	2,34		01/11/2023	01/11/2021	
33	Đinh Thị Thanh	05/02/1978	Giáo viên - TPT. Đội	Kiền Bái	TC SP Âm nhạc CĐSP Âm nhạc ĐHSP Âm nhạc	29/11/2001 15/02/2007 08/06/2015	30/01/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/09/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	6	3,99		01/11/2023	01/10/2023	
34	Ngô Thị Minh	10/04/1978	Giáo viên	Kỳ Sơn	TC Âm nhạc ĐHSP Âm nhạc	28/12/2000 04/01/2007	30/01/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/08/2022	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/04/2022	
35	Bùi Thị Ngát Anh	18/02/1981	Giáo viên	Kỳ Sơn	Đại học SP Sinh học	31/12/2008	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
36	Bùi Thu Nga	29/06/1994	Giáo viên	Kỳ Sơn	ĐHSP Toán Thạc sỹ Toán	25/10/2016 10/03/2020	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
37	Bùi Thị Thùy Linh	16/01/1997	Giáo viên	Kỳ Sơn	ĐHSP Ngữ ThS. Ngôn ngữ Văn	15/07/2019 14/8/2023	28/05/2020	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/06/2024	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/03/2024	
38	Vũ Thị Thanh Bình	05/07/1987	Giáo viên	Lại Xuân	ĐHSP Toán, Hóa	06/07/2009	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/02/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/02/2022	
39	Hoàng Thu Hà	29/07/1991	Giáo viên	Lại Xuân	ĐHSP Vật lý	05/07/2013	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
40	Bùi Thị Cẩm Vân	18/07/1997	Giáo viên	Lại Xuân	ĐHSP Văn	15/07/2019	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
41	Lê Thị Hương	20/09/1990	Giáo viên	Lại Xuân	ĐHSP Toán	28/06/2012	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/12/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/09/2023	
42	Đinh Thị Ngân	13/01/1995	Giáo viên	Lại Xuân	ĐHSP Văn	23/07/2018	17/03/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/04/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/07/2023	
43	Chu Giang Thanh	28/08/1983	Giáo viên	Lại Xuân	CĐSP Sinh-Hóa ĐHSP Hóa	01/07/2005 09/01/2018	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/08/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
44	Vũ Thị Kim Ngân	08/05/1994	Giáo viên	Lâm Động	ĐHSP Hóa	25/07/2016	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	2	2,67	01/11/2021	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/08/2021	
45	Vũ Thị Yến	04/03/1996	Giáo viên	Lâm Động	ĐHSP Văn	10/09/2018	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
46	Phạm Thị Thủy	05/03/1983	Giáo viên	Lập Lễ	TC SP Âm nhạc ĐHSP Âm nhạc	21/10/2004 31/12/2008	24/11/2017	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/05/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
47	Phạm Thị Mỹ	12/06/1987	Giáo viên	Lập Lễ	ĐHSP Văn	28/07/2010	22/01/2018	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/09/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/06/2021	
48	Vũ Văn Duy	05/05/1993	Giáo viên	Lập Lễ	ĐH SP Toán	23/06/2015	01/01/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trường THCS	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
					Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
49	Đinh Thị Hằng	11/03/1982	Giáo viên	Lập Lễ	ĐH Ngoại ngữ	18/09/2006	01/04/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/04/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/01/2024	
50	Đào Thị Thu Thủy	12/5/1994	Giáo viên	Lê Ích Mộc	ĐHSP Toán	25/07/2016	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	2	2,67	1/8/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/11/2022	
51	Vũ Văn Chiếng	08/11/1984	Giáo viên	Lê Ích Mộc	ĐHSP Hóa	01/08/2006	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	3	3,00	01/07/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/04/2022	
52	Đỗ Thị Hà	06/10/1993	Giáo viên	Lê Ích Mộc	ĐHSP Toán	23/06/2015	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	1	2,34	01/07/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
53	Bùi Khánh Duy	07/08/1997	Giáo viên	Lê Ích Mộc	ĐHSP Toán Thạc sỹ Toán	21/05/2019 31/12/2021	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
54	Phạm Thị Mỹ Linh	10/11/1997	Giáo viên	Lê Ích Mộc	ĐHSP TD	29/06/2019	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
55	Nguyễn Thị Hà Nhi	10/08/1993	Giáo viên	Liên Khê	ĐHSP Toán	06/11/2015	31/12/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
56	Vũ Nhân Tuyên	17/03/1979	Giáo viên	Liên Khê	ĐH Tiếng Anh	26/06/2006	30/01/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/01/2024	GV THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/11/2023	
57	Nguyễn Thị Hường	09/01/1983	Giáo viên	Liên Khê	TCSP Mỹ thuật; ĐHSP Mỹ thuật	10/9/2006; 06/11/2013	30/01/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/02/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/01/2023	
58	Huy Thị Thanh Phong	22/06/1987	Giáo viên	Liên Khê	CĐSP Hóa ĐHSP Hóa	25/06/2008 30/12/2010	30/01/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/05/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
59	Nguyễn Thị Nhinh	13/01/1982	Giáo viên	Liên Khê	ĐHSP Ngữ văn	25/06/2004	31/12/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
60	Nguyễn Thu Phương	31/10/1986	Giáo viên	Liên Khê	CĐSP Sinh-Hóa ĐHSP Sinh	25/06/2008 15/12/2010	31/12/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
61	Vương Thị Thúy Ngân	27/10/1997	Giáo viên	Liên Khê	ĐHSP Tiếng Anh	21/05/2019	31/12/2019	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
62	Vũ Đình Biên	13/09/1981	Giáo viên	Lưu Kiếm	TCSP Âm nhạc ĐH SP Âm Nhạc	10/12/2002 31/12/2008	30/01/2019	GV THCS hạng II	V07.04.11	5	3,66	01/01/2022	GV THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
63	Phùng Thị Duyên	07/05/1980	Giáo viên	Lưu Kiếm	ĐHSP Địa lý	08/02/2012	31/12/2019	GV THCS hạng II	V07.04.11	3	3,00	01/07/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/07/2023	
64	Lê Thị Nguyên	10/02/1991	Giáo viên	Lưu Kiếm	ĐH SP Vật Lý	05/07/2013	31/12/2019	GV THCS hạng II	V07.04.11	3	3,00	01/07/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/10/2022	
65	Bùi Thị Huyền	24/08/1990	Giáo viên	Minh Đức	Đại học SP Toán - Hóa	28/06/2012	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/09/2022	
66	Hồ Thị Xoa	14/01/1980	Giáo viên	Minh Tân	TCSP Âm nhạc ĐHSP Âm nhạc	10/12/2002 '04/01/2007	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/10/2022	
67	Tạ Văn Trung	21/03/1983	Giáo viên	Minh Tân	ĐHSP Toán ĐH Tin ThS.Toán	30/06/2007 16/10/2008 03/09/2014	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/06/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trường THCS	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
					Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
68	Phạm Thị Huyền	17/04/1983	Giáo viên	Mỹ Đồng	ĐHSP Ngữ văn	21/01/2010	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/01/2023	
69	Lê Ngọc Anh	08/11/1995	Giáo viên	Mỹ Đồng	ĐHSP Hóa	19/10/2017	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
70	Nguyễn Thị Vân Anh	24/03/1996	Giáo viên	Ngũ Lão	ĐHSP Toán	23/07/2018	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
71	Đặng Thị Luận	11/05/1988	Giáo viên	Ngũ Lão	ĐHSP Vật lý ThS. Vật lý	23/06/2011 23/03/2016	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/12/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/09/2021	
72	Phạm Thị Thương	16/8/1993	G.viên	Nguyễn Văn Cừ	ĐHSP Toán học	6/11/2015.	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/6/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/03/2024	
73	Trần Thu Hà	18/9/1995	G.viên	Nguyễn Văn Cừ	ĐH SP Hóa ĐH Toán	23/7/2018 30/08/2022	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/12/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/09/2023	
74	Nguyễn Thị Linh	06/03/1990	G.viên	Nguyễn Văn Cừ	ĐH Mỹ Thuật	29/8/2013	25/01/2021	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/04/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/07/2023	
75	Nguyễn Thị Soan	01/05/1990	G.viên	Nguyễn Văn Cừ	ĐHSP Văn	8/6/2012	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/06/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/07/2021	
76	Đoàn Thị Mai	11/01/1988	Giáo viên	Phả Lễ	ĐHSP Văn Thạc sỹ Văn	20/05/2011 08/01/2016	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	3	3,00	01/02/2023	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/10/2022	
77	Đỗ Thị Tình	26/10/1991	Giáo viên	Phả Lễ	ĐH Ngôn ngữ Anh ĐH SP Địa	18/06/2015 05/07/2013	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	2	2,67	01/02/2022	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/08/2022	
78	Đinh Hữu Trọng	23/09/1989	Giáo viên	Phả Lễ	ĐHSP Vật Lý	21/09/2017	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
79	Mạc Thị Ánh Hồng	13/07/1986	Giáo viên	Phan Chu Trinh	CĐSP Văn-Đoàn đội ĐHSP Văn	25/06/2008 20/12/2010	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/01/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
80	Nguyễn Xuân Ngọ	28/01/1991	Giáo viên	Phan Chu Trinh	ĐHSP Vật lí	25/05/2015	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/02/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/11/2022	
81	Nguyễn Thị Nhã	10/03/1980	Giáo viên	Phan Chu Trinh	ĐHSP Mỹ thuật	26/11/2007	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/12/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/08/2023	
82	Nguyễn Thị Thanh Tâm	06/06/1986	Giáo viên	Phan Chu Trinh	ĐHSP Tin	20/04/2012	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,00		01/11/2023	01/10/2022	
83	Đồng Thị Hương Giang	26/10/1981	Giáo viên	Phục Lễ	ĐHSP Mỹ thuật	26/11/2007	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/09/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/08/2023	
84	Nguyễn Thị Đào	02/07/1987	Giáo viên	Phục Lễ	ĐHSP Toán- Hóa	06/07/2009	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/03/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/04/2024	
85	Bùi Tuấn Anh	06/10/1986	Giáo viên	Phục Lễ	ĐHSP Tin	20/04/2012	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/01/2023	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trường THCS	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
					Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
86	Nguyễn Thị Nguyệt	19/09/1993	Giáo viên	Phục Lễ	ĐHSP Toán	25/07/2016	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/06/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/03/2024	
87	Nguyễn Thị Hoàng Yến	04/03/1995	Giáo viên	Quảng Thanh	ĐHSP Toán	19/07/2017	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/07/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
88	Trịnh Thị Ngọc Bích	19/10/1997	Giáo viên	Quảng Thanh	ĐHSP Ngữ văn ThS.Ngôn ngữ VN	26/06/2019 14/08/2023	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
89	Đặng Thị Thúy Nguyên	15/12/1991	Giáo viên	Quảng Thanh	ĐHSP Tiếng Anh	09/05/2014	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
90	Đỗ Thị Hồng Quyên	28/06/1983	Giáo viên	Quảng Thanh	ĐHSP Tiếng Anh	06/10/2005	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/11/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
91	Đồng Thị Nga	28/02/1987	Giáo viên	Quảng Thanh	ĐHSP Toán, Hóa	28/07/2010	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/08/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
92	Nguyễn Thị Quyên Lương	13/11/1991	Giáo viên	Quảng Thanh	ĐHSP Toán	05/07/2013	29/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/07/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/11/2023	
93	Phạm Thị Minh Hiếu	31/01/1981	Giáo viên	Tam Hưng	CĐSP GDCD - Địa ĐHSP Địa	09/07/2005 13/02/2009	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/04/2023	
94	Hoàng Thị Thu Thảo	02/12/1973	Giáo viên	Tam Hưng	ĐHSP âm nhạc	04/01/2007	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/10/2022	
95	Chu Thị Thanh Thủy	12/06/1985	Giáo viên	Tam Hưng	ĐH ngôn ngữ Anh; ĐH CNTT	12/11/2018 25/06/2008	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/07/2022	
96	Chu Thị Phương	09/10/1986	Giáo viên	Tân Dương	ĐHSP Ngữ văn	09/6/2009	28/05/2020	GVTHCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/06/2022	GVTHCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/03/2022	
97	Phạm Thị Phượng	26/08/1990	Giáo viên	Tân Dương	ĐHSP Vật lý	28/06/2012	31/12/2019	GVTHCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	GVTHCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
98	Đồng Huyền Thư	16/11/1997	Giáo viên	Thiên Hương	ĐHSP Toán, Thạc sĩ Toán	15/07/2019 06/01/2023	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
99	Tống Tùng Dương	21/07/1996	Giáo viên	Thiên Hương	ĐHSP Toán, Thạc sĩ Toán	15/07/2019 12/10/2022	31/12/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
100	Nguyễn Thị Thúy Trang	23/02/1984	Giáo viên	Thiên Hương	ĐHSP Lịch sử	25/07/2011	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/02/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
101	Đỗ Thị Hằng	07/10/1979	Giáo viên	Thủy Đường	TCSP Mỹ thuật ĐHSP Mỹ Thuật	02/02/2004 26/03/2009	30/01/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/05/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/07/2022	
102	Vũ Cẩm Tú	30/08/1989	Tổ Phó-Giáo viên	Thủy Đường	ĐHSP Toán học-hóa học	23/06/2011	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/04/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/04/2022	
103	Nguyễn Thị Tú	02/11/1983	Giáo viên	Thủy Đường	ĐHSP Hóa Học	11/09/2008	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/04/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh hiện tại	Trường THCS	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI							Ghi chú
					Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mốc nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc nâng lương lần sau	
104	Nguyễn Thị Ngọc Mai	16/08/1993	Giáo viên	Thủy Đường	ĐH Tiếng Anh,	10/07/2015	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/07/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/04/2023	
105	Lê Thu Thảo	24/02/1997	Giáo viên	Thủy Đường	ĐH văn học	15/07/2019	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
106	Bùi Thương Trà	09/04/1996	Giáo viên	Thủy Đường	ĐHSP Toán học	05/09/2019	31/12/2019	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/01/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/10/2023	
107	Nguyễn Thị Thùy Dung	16/04/1987	Giáo viên	Trần Hưng Đạo	ĐHSP Toán	06/07/2009	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/12/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
108	Phạm Thị Huế	06/12/1984	Giáo viên	Trần Hưng Đạo	CĐSP Mỹ thuật ĐHSP Mỹ thuật	25/02/2008 06/11/2013	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
109	Lã Thị Thu Hà	26/04/1981	Giáo viên	Trần Hưng Đạo	ĐHSP Mỹ thuật	26/3/2009	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/04/2022	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66		01/11/2023	01/11/2023	
110	Lê Thị Thu Trang	21/12/1979	Giáo viên	Trần Hưng Đạo	ĐHSP âm nhạc	04/01/2007	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	6	3,99	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	5	3,66	0,33	01/11/2023	01/10/2022	
111	Phạm Thị Thanh Dung	11/12/1989	Giáo viên	Trần Hưng Đạo	ĐH SP Hóa Thạc sĩ Hóa	23/06/2011 15/08/2017	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/09/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/05/2022	
112	Trần Thị Nguyên	08/11/1995	Giáo viên	Trần Hưng Đạo	ĐHSP Hóa	09/01/2018	28/05/2020	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/06/2024	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/03/2024	
113	Nguyễn Thị Mơ	26/10/1993	Giáo viên	Trần Nhật Duật	ĐHSP Toán	23/06/2015	28/05/2020	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2	2,67	01/12/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2	2,67		01/11/2023	01/09/2023	
114	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/10/1989	Giáo viên	Trần Nhật Duật	ĐH SP Lý	08/02/2012	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/01/2023	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	4	3,33		01/11/2023	01/10/2021	
115	Nguyễn Thị Yên	17/10/1981	Giáo viên	Trần Nhật Duật	CĐSP Tiếng Anh ĐHSP Tiếng Anh	22/10/2002 13/02/2009	30/01/2019	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	5	3,66	01/11/2021	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	6	3,99		01/11/2023	01/09/2023	

Tổng cộng: 115 người